CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

---öµõ---

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

NĂM 2025

ĐỊA ĐIỂM: KCN MINH HƯNG III, PHƯỜNG MINH HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI, THÁNG 01 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
NĂM 2025

ĐỊA ĐIỂM: KCN MINH HƯNG III, PHƯỜNG MINH HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Phó Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 3800378251 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
P.MINH HƯNG - T.ĐỒNG NAI

Huỳnh Văn Tỏi

ĐỒNG NAI, THÁNG 01 NĂM 2026

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/BC-KCNCSBL	*Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG.
- Địa chỉ: KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông PHAN HUY THÀNH

  Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề đầu tư trong từng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung:

Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1769/QĐ - UBND ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – cao su Bình Long – giai đoạn 1 – diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư)" do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Cao su Bình Long.

Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2947/QĐ - UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường giai đoạn 2 – Diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư)" do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Cao su Bình Long.

Các ngành nghề mời gọi đầu tư trong Khu Công nghiệp là các ngành công nghiệp sạch mang tính truyền thống nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, để đáp ứng mặt bằng cho các nhà đầu tư cũng như phát triển kinh tế địa phương nhưng không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường như:

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm;
- Công nghiệp dệt may (không nhuộm), sản xuất giày, đồ chơi;
- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất;
- Công nghiệp sản xuất bao bì;
- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao;
- Công nghiệp điện tử và vi điện tử;
- Công nghiệp cơ khí: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng;
- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm;
- Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng;
- Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu;

- Nhóm ngành Sản xuất đồ uống: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất sản phẩm từ cao su (đã qua sơ chế):

+ Sản xuất sản phẩm từ cao su;

+ Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị):

+ Sản xuất các cấu kiện kim loại;

+ Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;

+ Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;

+ Sản xuất linh kiện điện tử;

+ Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;

+ Sản xuất thiết bị truyền thông;

+ Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;

+ Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ;

+ Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học;

+ Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;

- Sản xuất thiết bị điện:

+ Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;

+ Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;

+ Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;

+ Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;

+ Sản xuất đồ điện dân dụng;

+ Sản xuất thiết bị điện khác;

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác:

+ Điêu khắc gỗ và mộc gia dụng;

- Sản xuất thuốc nhuộm (Công ty TNHH Asathio Chemical);
- Sản xuất hóa chất phục vụ nhà máy chế biến gỗ (Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha);
- Nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm:

+ Chế biến bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt;

+ Chế biến và đóng hộp thịt;

+ Chế biến và đóng hộp rau quả;

+ Sản xuất và đóng hộp dầu mỡ động thực vật;

+ Xay xát và sản xuất bột;

+ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

+ Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo;

+ Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;

- Tái chế giấy từ giấy phế liệu;
- Vận tải kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Nhóm ngành thông tin và truyền thông: sản xuất sách, ấn phẩm, xuất bản phần mềm, chuyển phát nhanh,…
- Sản xuất và phân phối khí điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm rơm và vật liệu bện;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng & bảo hiểm bao gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), hoạt động cho thuê tài chính;
- Hoạt động y tế , trợ giúp xã hội bao gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, hoạt động y tế khác;
- Dịch vụ lưu trú & ăn uống bao gồm: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Sản xuất dầu FO1S, DO1S, dầu sinh học từ lốp xe đã qua sử dụng, các phế liệu cao su, Polymer, dầu sinh học có nguồn gốc từ thực vật;
- Giáo dục mầm non. Mã ngành 851.
- Sản xuất các sản phẩm từ Plastic (mã ngành 2220).
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.
- Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800378251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 09/10/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 05/09/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 44221000066 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2008, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25/12/2024.
- Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/09/2022.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẠI KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẬP TRUNG HOẶC CỤM CÔNG NGHIỆP

a) Tóm tắt tình hình hoạt động chung trong KCN

Bảng 1. Tóm tắt tình hình hoạt động chung trong KCN

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/ không)	Xử lý nước thải (m^3/ngày.đêm)			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Công suất thiết kế của HTXL NT (m^3/ngày đêm)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (kg/ năm)	Công nghiệp thông thường (kg/ năm)	Nguy hại (kg /năm)		
01	Khu công nghiệp Minh Hưng 3	Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	292,27 ha	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long	22	99.7 %	Có	2.817,37	6.000	Công ty đã đầu tư lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục. Dữ liệu quan trắc được truyền trực tiếp và liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường các	1,579	455.240	0	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	20%

										chỉ số : pH, lưu lượng nước thải, COD,TSS, Amoni, Nhiệt độ					

b) Chi tiết danh sách các cơ sở hoạt động trong KCN:

Bảng 2. Danh sách các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (viết tắt là KCN)

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
1	Công Ty Cổ Phần Gỗ MDF VRG Dongwha	Các QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM Số 2715 ngày 28/9/2009. Số 1361 ngày 13/6/2011.	Sản xuất ván MDF công suất 480,000 m^3/năm Sản xuất ván MFB công suất 40.000 m^3 /năm	191.123 m^3	Đã đấu nối	Quan trắc tự động 500^3/ngày. đêm. Lưu lượng đầu ra, COD, độ màu,TSS, PH,nhiệt độ,		Có 2 trạm quan trắc tự động khí thải, với các thông số: lưu lượng, bụi tổng, nhiệt độ, áp suất, O_2, SO_2, NO_x và CO	55	101.993	172.850	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
		số 2377 ngày 19/11/2012. Số 3227 ngày 19/12/2016				Amonia						
2	Công Ty TNHH Asathio Chemical Việt Nam	Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12/03/2014	Nhà máy sản xuất thuốc nhuộm, các chất phụ trợ và hóa chất khác	Dừng sản xuất	Đã đấu nối	-	-	-	-	-	-	20%
3	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Thương Mại Giải Pháp	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: số 11/GXNĐT	Sản xuất dầu FO, Quy mô vừa Công suất :12.000	20 m^3	Đã đấu nối	Không	8000	Không	20	120	20.135	22%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
	Xanh Bình Phước	M/BQL ngày 15/8/2019 Quyết định số 1242/QĐUBND 13/6/2019	tấn/năm									
4	Công Ty TNHH MTV C&T Vina	TB số 112/TB-BQL 23/7/2017	Xây dựng nhà xưởng để cho thuê và các công trình phụ trợ theo thiết kế được phê duyệt trên diện tích đất 15 ha.	13,65 m^3	Đã đấu nối	Không	Không	Không	0	5,7	0	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
5	Công Ty TNHH Long Fa (Việt Nam) Phân Xưởng 1	Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2014	Sản xuất giày dép công suất 12.000.000 đôi /năm; Đế giày, công suất 4.000.000/ năm	281m^3	Đã đấu nối	không	Xưởng giày: 215.514 Nm^3/giờ Xưởng đế : 11.558 Nm^3/giờ		75,79	576.308	36.028	23.94%
6	Công Ty TNHH Long Fa (Việt Nam) Phân Xưởng 2	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17 tháng 03 năm 2016	Sản xuất các loại giày dép và phụ kiện giày dép	260 m^3	Đã đấu nối	Không	613.263 (Nm^3/giờ)	Không	25,5	339.526	43.760	23,94
7	Công Ty Cổ Phần	Quyết định số 2233/QĐ-	Sản xuất giấy cuộn Quy		Đã đấu nối	Ngưng hoạt động						20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
	Giấy Ưu Việt	UBND ngày 17 tháng 10 năm 201403/GXNDTM-BQL	mô:12.000 tấn/năm									
8	Công Ty TNHH Tân Hỷ	TB số 301/TB-BQL 10/10/2014	Gia công logo giày	335 m^3	Đã đấu nối	Không	Không	Không	0,19	0	0	20%
9	Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Marshell (thuê lại cty Trường Thịnh)	-	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Lắp rắp sản phẩm	3.039,4 m^3	Đã đấu nối	Không	Không	Không	5,5	5.960	100	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
			điện tử có liên quan đến xe điện Quy mô 600.000 chiếc/năm									
10	Công Ty Cổ Phần Bê Tông Hồng Hà	TB số 07/GXN-BQL 26/01/2016	Sản xuất bê tông	4.342 m^3	Đã đấu nối	Không	không	Không	1,0	9.000	20	
11	Công Ty Cổ Phần Giấy Minh Hưng	QĐ số 0215/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021. GPMT số 113/GPMT-BTNMT	Sản xuất giấy xeo cuộn 60.000 tấn/năm	192.985 m^3	Đã đấu nối	không	Công suất thiết kế :45.000 m^3/ h	Lưu lượng. Bụi, SO_2,NO_x,CO Trung bình khoảng 32,6 m^3/h	19.639	4.332,14	680	10.960 m^2

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
12	Công ty High Line smarst Home VietNam (thuê lại cty TNHH MTV gỗ Trạch Lâm	Số QĐ phê duyệt ĐTM 2920/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	Sản xuất ghế sofa 500.000 sp/năm	23.380 m^3	Đã đấu nối	Không có	Không có	Không có	02	136.950	400	20%
13	Công ty THHH Sam woon ind	Số QĐ phê duyệt ĐTM 233/QĐ-UBND	Dệt Quy mô: 2.400.000 sản phẩm/năm	9.796,22 m^3	33/HD TD-KCN	Không có	Không	Không	11,15	65.961	300	20%
14	Công ty TNHH Bao Bì cao cấp S&K vina	04/GXN-BQL	Sản xuất gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên	25.050 m3	60/GXN-KCNCSBL	Không có	10.690 m^3/h		48	21.059	39.671	21,38%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
			bao bì bằng giấy Công suất: 70 triệu sản phẩm/ năm									
15	Công ty TNHH MTV Giấy Khôi Nguyên	QĐ số 1288/QĐ-BTNMT ngày 11/6/2021. GPMT số 220/GPMT-BTNMT ngày 20/9/2022	Tái chế giấy từ giấy phế liệu có lựa chọn; kho bãi và lưu trữ hàng hóa	330,07m^3	Đã đấu nối	Không			1,1	1.084.725	228	
16	Công ty CP Mầm Non Tư Thục Hoa Mai	Số 03/GXN-BQL ngày 22/01/2018	Trường mầm non		Đã đấu nối	Không	Không		1,7	0	0	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
17	Công ty TNHH dệt vải Bukwang (thuê lại cty nhà xưởng Cty C&T)	QĐ phê duyệt BC ĐTM số 2096/QĐ-UBND ngày 05/08/2016. công suất: 24.300.000 m/năm	Dệt vải	1.603,2 m^3	Đấu nối vào HTXLNT của C&T Vina	Không	Không	Không	12	37.500	206,5	10%
18	Công ty TNHH dệt vải Cooltex (thuê lại cty nhà xưởng Cty C&T)	TB số 01/GXN-BQL 20/01/2016	Sản xuất vải, sợi Quy mô: 650 tấn/năm	Dừng sản xuất	Đấu nối vào hệ thống XLNT C&T vina	Không	Không					
19	Công ty TNHH Kyong Gi	1759/ QĐ-UBND	Gia công vải dệt	4.256 m^3	Đấu nối vào HTXL	Không	Không	Không	25,7	12.143,5	3.245,7	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
	(thuê lại cty nhà xưởng Cty C&T)		kim		NT của C&T Vina							
20	Công ty TNHH TMDV Giấy Thuận An	QĐ số 1339/QĐ-BTNMT ngày 16/60/2021. GPMT số 399 ngày 30/12/2022	Tái chế giấy từ giấy phế liệu	1.497,5 m^3	Tách đấu nối			Lưu lượng, bụi tổng, nhiệt độ, SO_2,NO_x, O_2, CO	14,3	8.851.203	1.032	
21	Công ty TNHH tủ bếp BLOOM (thuê lại cty Đại Đỉnh Phát)	-	Sản xuất tủ bếp, linh phụ kiện tủ bếp 170.000 sp/năm, sx tủ phòng tắm	10.768,16 m^3	Đã đấu nối	không	55,68	Không	2,4	766	2.587,5	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
			380.000 bộ/năm, linh phụ kiện tủ phòng tắm 42.000 sp/năm, Sx tủ bếp 1.520.000 bộ /năm									
22	Công ty TNHH MTV Bến Thượng Hải	TB số 33/GXN-BQL 31/03/2015	Nhà hàng, KS	-	Đã đấu nối	Không	-	Không	2,5	0	0	
23	Công ty TNHH MTV TM-DV Thùy Trâm	TB số 05/GXN-BQL 8/03/2018	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong	-	Đã đấu nối	không		Không	2,2	0	0	

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT, giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào Hệ thống XLNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3 /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
			xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh									
24	CTY TNHH EXTOL VN (Thuê lại nhà xưởng Nam Long)			1.670m³	Đã đấu nối	Không	Không	Không	2	3.000	0	

III. TÌNH HÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Kết quả đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (tính đến thời điểm báo cáo):

- Số cơ sở đấu nối : 22 cơ sở và tổng lượng nước thải từ các cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tương ứng: 1.028.341 m^3/năm.

- Số cơ sở được miễn trừ đấu nối và tổng lượng nước thải phát sinh từ các cơ sở : Công ty TNHH TMDV Giấy Thuận An và một phần nước thải sau xử lý công ty Gỗ VRG MDF Dongwha nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT xả trực tiếp ra suối.

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung:

Nhà máy xử lý nước thải tập trung có gồm 03 module: module 1 công suất 2.000m^3/ngày.đêm; module 2 công suất 2.000 m^3/ngày.đêm và module 3 công suất 2.000m^3/ngày.đêm.

➢ ***Quy trình xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại nhà máy xử lý nước thải KCN Minh Hưng III, giai đoạn 1,2 như sau:***

- Quy trình xử lý nước thải của module 1, công suất 2.000 m^3/ngày.đêm như sau:

Nước thải → song chắn rác thô → Hầm bơm → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH (bể trung hòa) – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian cải tạo từ bể khử trùng hiện hữu → Bể điều chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Kq =0,9; Kf =0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và bột giấy (Kq = 0,9; Kf = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục

- Quy trình xử lý nước thải của module 2, công suất 2.000 m^3/ngày.đêm như sau:

Nước thải → song chắn rác thô → Hầm bơm (sử dụng chung với module 1) → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu (sử dụng chung với module 1) → Bể điều hòa (sử dụng chung với module 1) → Bể hiệu chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể lắng hóa lý bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể khử trùng (sử dụng chung với module 1) → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Kq =0,9; Kf =0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và bột giấy (Kq = 0,9; Kf = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

Chi tiết công nghệ xử lý nước thải của Nhà máy XLNT nước thải KCN Minh Hưng III Giai đoạn 1, 2 thể hiện trong hình sau:

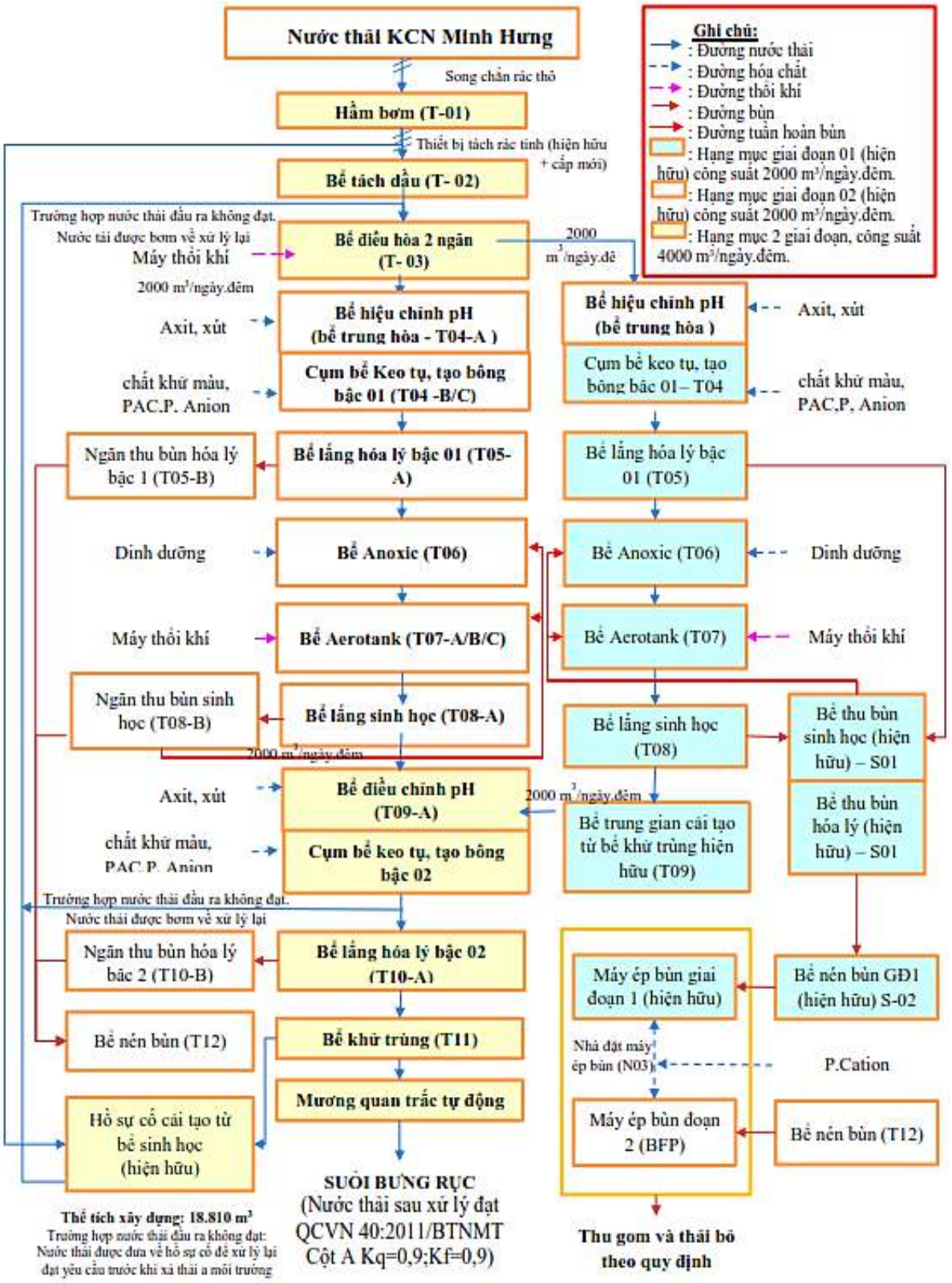

Hình 1. Quy trình công nghệ xử lý của HTXL nước thải KCN Minh Hưng III - Giai đoạn 1, 2

❖ ***Thuyết minh quy trình công nghệ***

Hầm bơm hiện hữu – T-01 (Dùng chung cho giai đoạn 1 và 2)

Nước thải từ các Nhà máy trong KCN Minh Hưng III và từ nhà vệ sinh hạ tầng được thu gom dẫn về hầm bơm hiện hữu T01 dùng chung cho 02 giai đoạn. Hầm bơm với chức năng thu gom nước thải, tách rác thô và trung chuyển nước thải đến cụm bể xử lý.

Tại hầm bơm nước thải, các loại rác có kích thước lớn được giữ lại nhờ lược rác thô hiện hữu. Nước thải từ hầm bơm được bơm đến bể tách dầu T02 (Dùng chung cho 02 giai đoạn) bằng 02 cụm bơm: cụm bơm hiện hữu và cụm bơm cấp mới hoạt động luân phiên, số lượng bơm hoạt động tùy thuộc vào mức nước ở hầm bơm, kiểm soát bởi phao đo mực nước.

Ngoài ra khi lưu lượng nước thải về nhà máy xử lý lớn hơn 4.000 m^3/ngày.đêm, nước thải từ hầm bơm sẽ được bơm về Hồ sự cố (cải tạo Hồ sinh học hiện hữu) để chứa tạm & bơm về hệ thống tái xử lý.

Bể tách dầu hiện hữu – T-02 (Dùng chung cho giai đoạn 1 và 2)

Nước thải từ hầm bơm được bơm qua lược rác tinh dạng trống quay (Cấp mới – dùng cho giai đoạn 02) để tách các thành phần rác và cặn có kích thước ≥ 2 mm trước khi chảy vào bể tách dầu T02 (Hiện hữu - dùng chung cho 02 giai đoạn). Tại T02, thành phần dầu mỡ có trong nước thải sẽ được giữ lại và thu vào thùng chứa dầu hiện hữu. Nước thải sau khi tách dầu sẽ tự chảy vào bể điều hòa T-03 (Hiện hữu - dùng chung cho 02 giai đoạn).

Bể điều hòa hiện hữu – T-03 (Dùng chung cho 02 giai đoạn)

Bể điều hòa 2 ngăn có chức năng điều hòa lưu lượng, nồng độ, tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau. Nhờ đó mà giảm kích thước thiết bị và khắc phục được những vấn đề vận hành do sự dao động lưu lượng, chất lượng nước thải nhằm hạn chế đến mức tối thiểu trường hợp quá tải, nâng cao hiệu suất xử lý của các công đoạn phía sau.

Bên trong bể điều hòa được cấp khí bởi cụm máy thổi khí hiện hữu hoạt động luân phiên nhằm tạo sự xáo trộn đều các chất ô nhiễm trong toàn bộ thể tích nước thải, tránh việc lắng cặn trong bể. Chính nhờ quá trình xáo trộn này, nước thải được điều hoà về lưu lượng và thành phần các chất ô nhiễm như: COD, BOD5, SS, pH…

Trong bể điều hòa gồm 02 cụm bơm:

Cụm bơm hiện hữu: cấp nước đến hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của giai đoạn 1.

Cụm bơm cấp mới: bơm nước đến hệ thống xử lý xây mới thiết kế cho giai đoạn 2.

Bể hiệu chỉnh pH

Nước thải từ bể điều hòa hiện hữu T-03 được chia ra 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn có công suất 2.000 m^3/ngày.đêm. Nước thải được bơm lên bể hiều chỉnh pH bậc 01 của giai đoạn 2 T04-A. Tại đây, nước thải được kiểm soát pH và thế oxy hóa khử bằng thiết bị đo pH/ORP online. Xút hoặc Axít được châm vào để điều chỉnh pH phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình keo tụ, tạo bông diễn ra. Thiết bị đo ORP giúp kiểm soát nồng độ ô nhiễm trong nước thải và điều khiển quá trình vận hành hệ thống hóa lý 1 nhằm tiết kiệm tối đa hóa chất sử dụng.

Tại bể trung hòa T04-A dung dịch xút hoặc axit được châm vào bể để trung hòa nước thải khi giá trị pH nước thải dòng vào không ổn định và được điều khiển tự động bằng thiết bị đo pH online, nước thải sau khi được trung hòa Dung dịch chất khử màu được châm vào bể T04-A để xử lý loại bỏ màu cho nước thải có độ màu cao từ các nhà máy nhuộm và in nhuộm, thuốc nhuộm và các nhà máy sản xuất bột màu, các nhà máy sản xuất mực in và giấy.

Cụm bể keo tụ - tạo bông bậc 01

Dung dịch PAC được châm vào bể keo tụ T04-B để keo tụ các tạp chất có trong nước thải và các tạp chất sinh ra từ quá trình xử lý loại bỏ độ màu ở bể T04-A. Sau khi keo tụ, nước thải sẽ qua bể tạo bông T04-C. Tại đây, dung dịch Polymer Anion được châm vào bể để tăng khả năng kết dính của các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất rắn lơ lửng trong nước thải. Các bể T04-A/B/C được khuấy trộn bằng các motor nhằm tăng khả năng phản ứng giữa hóa chất và nước thải. Hóa chất (axit, xút, chất khử màu, PAC, polymer anion) được châm vào hệ thống bằng hệ thống bơm định lượng.

Bể lắng hóa lý bậc 01

Bể lắng bùn hóa lý & ngăn thu bùn hóa lý bậc 1 – T04-AB/C, T05-A/B (Thiết kế cho giai đoạn 2 – Xây mới, mỗi giai đoạn công suất 2.000 m^3/ngày.đêm.

Hỗn hợp nước thải và bùn từ bể tạo bông sẽ được dẫn sang bể lắng hóa lý bậc 1 T05-A. Bùn và nước sẽ được phân tách bởi trọng lực. Bùn sẽ được giữ lại tại đáy bể lắng và nước sẽ được thu bởi máng thu được thiết kế tại bề mặt bể lắng và sau đó tự chảy sang bể Anoxic T06.

Bùn lắng tại bể lắng hóa lý T05-A sẽ được thu về ngăn thu bùn hóa lý bậc 1 T05-B. Sau đó, bùn được bơm đến bể nén bùn T12 bằng 02 bơm bùn hóa lý bậc 1 hoạt động luân phiên.

Thực hiện Jatex hàng ngày để tìm ra lượng PAC, khử màu và polymer tối ưu cho quá trình xử lý.

Bùn nổi và rong rêu được vệ sinh định kỳ 1 lần/ngày hoặc khi cần thiết tại bể lắng bùn.

Điều chỉnh van tay để rút vừa đủ lượng bùn sinh ra.

Hình 2. Bể keo tụ tạo bông bậc 1 – Giai đoạn 2

Cụm bể sinh học thiếu khí Anoxic T06 – hiếu khí Aerotank T07-A/B/C (Thiết kế cho giai đoạn 2 – Xây mới), mỗi giai đoạn công suất 2.000 m^3/ngày.đêm.

Nước thải từ bể lắng hóa lý bậc 1 T05-A sẽ được dẫn sang cụm bể sinh học thiếu khí T06 – hiếu khí T07 (2 ngăn – Giai đoạn 1) và T07 (3 ngăn-A/B/C – Giai đoạn 2). Tại đây, các thành phần ô nhiễm COD, BOD, N, P,... sẽ được xử lý thông qua hoạt động của các vi sinh vật thiếu khí và hiếu khí có trong hỗn hợp bùn hoạt tính.

Trong đó, Nitơ sẽ được xử lý thông qua 2 quá trình như sau:

Quá trình Nitrat hóa: là quá trình chuyển hóa các hợp chất Nitơ ở dạng hữu cơ thành Nitơ ở dạng Nitrit, Nitrat nhờ các vi sinh hiếu khí trong bể sinh học hiếu khí Aerotank:

$$Nitrosomonas + NH_3 + 3/2O_2 \rightarrow NO_2^- + H^+ + H_2O + Nitrosomonas$$

$$Nitrobacter + NO_2^- + 1/2O_2 \rightarrow NO_3^- + Nitrobacter$$

Quá trình khử Nitrat: là quá trình khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic T06.

$$NO_3^- + 1.08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0.065C_5H_7O_2N + 0.47N_2 + 0.76CO_2 + 2.44H_2O$$

Trong bể Aerotank hệ vi sinh vật hiếu khí tồn tại dưới dạng bông bùn lơ lửng có vai trò chuyển hoá các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO2, H2O… Để cung cấp dưỡng khí cho vi sinh hoạt động và duy trì trạng thái lơ lửng cho bùn hoạt tính, không khí được cấp vào bể qua hệ thống đĩa phân phối khí mịn. Lượng không khí được cấp cho cụm bể Aerotank T07-A/B/C thông qua hệ thống máy thổi khí hoạt động luân phiên, nhằm cung cấp lượng oxy cần thiết cho vi sinh hiếu khí.

Hệ thống máy thổi khí sẽ hoạt động theo tín hiệu của thiết bị đo Oxy hòa tan. Khi lượng Oxy vượt ngưỡng cần thiết thì thiết bị đo DO sẽ xuất tín hiệu về tủ điện và tủ điện sẽ xuất tín hiệu về biến tần điều khiển công suất chạy của máy thổi khí để tiết kiệm năng lượng. Lượng oxy hòa tan duy trì trong bể khoảng 2 mg/l.

Hỗn hợp bùn sinh học và nước cuối bể Aerotank T07-C sẽ được 02 bơm nội tuần hoàn chạy luân phiên tuần hoàn về bể Anoxic T06 để thực hiện quy trình xử lý Nitơ. Phần bùn và nước còn lại sẽ tự chảy vào bể lắng sinh học T08-A.

Quy trình xử lý tuần hoàn Anoxic – Aerotank giúp cho việc xử lý triệt để hàm lượng Nitơ trong nước thải. Ngoài ra, để hạn chế việc thiếu dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động trong trường hợp nước thải đầu vào có hàm lượng COD, BOD thấp và Nitơ cao thì chất dinh dưỡng sẽ được châm vào bằng 02 bơm định lượng hoạt động luôn phiên để bổ sung dinh dưỡng, đảm bảo sự phát triển ổn định cho vi sinh xử lý Nitơ.

Bổ sung mật rỉ đường, chế phẩm vi sinh.

Cụm bể Aerotank được thiết kế 02 module kết hợp với việc sử dụng thiết bị kiểm soát oxy hòa tan (DO) tự động nên có thể vận hành tốt khi chưa đủ công suất thiết kế và vận hành linh động ở các mức 25%, 50%, 75% và 100% của công suất 2.000 m^3/ngày.đêm.

Hình 3. Bể aerotank giai đoạn 2

Bể lắng bùn sinh học & ngăn thu bùn sinh học T08, T08-A/B (Thiết kế cho giai đoạn 2 – Xây mới)

Nước thải từ bể Aerotank T07-C tự chảy qua bể lắng bùn sinh học T08-A. Tại đây, quá trình tách pha xảy ra, bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể lắng, nước trong sẽ tiếp tục chảy qua cụm bể xử lý hóa lý bậc 2.

Bùn hoạt tính sau khi lắng sẽ được thu về ngăn thu bùn sinh học T08-B. Bùn sinh học sẽ được cụm bơm bùn luân phiên bơm tuần hoàn về bể Anoxic T06 để duy trì lượng bùn sinh khối cho xử lý sinh học, phần bùn dư sẽ được bơm bùn dư bơm về bể nén bùn T12.

Hình 4. Bể lắng bùn sinh học giai đoạn 2

Bể điều chỉnh pH

Để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn xả thải về các chỉ tiêu TSS, độ màu,... hệ thống được thiết kế thêm cụm bể xử lý hóa lý bậc 2 (Thiết kế cho 02 giai đoạn với công suất 4.000 m^3/ngày.đêm) bao gồm: Bể điều chỉnh pH T09-A, Bể keo tụ T09-B, bể tạo bông T09-C, bể lắng hóa lý T10-A và ngăn thu bùn hóa lý T10-B.

Nước thải từ bể lắng sinh học của giai đoạn 1 sẽ được dẫn về bể trung gian T-09 (cải tạo từ bể khử trùng hiện hữu), Nước thải sau quá trình xử lý sinh học của 02 giai đoạn sẽ được hòa trộn lại với nhau. Tại đây nước thải được 02 bơm cấp mới luân phiên

bơm về bể điều chỉnh pH bậc 2 T09-A. tại ngăn thu nước của bể T09-A, tại đây thiết bị đó độ màu online sẽ liên tục đo độ màu trong bể. tại ngăn thu nước của bể T09-A, tại đây thiết bị đó độ màu online sẽ liên tục đo độ màu trong bể.

Nếu độ màu đạt tiêu chuẩn cho phép (Độ màu ≤50 Pt-Co), cụm hóa lý bậc 2 sẽ không hoạt động, nước thải sẽ được dẫn tới bể khử trùng T11 nhờ van điện điều khiển.

Trong trường hợp độ màu trong nước thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép (Độ màu >50 Pt-Co), cụm hóa lý bậc 2 sẽ được kích hoạt: Hóa chất HCL, NaOH, Chất khử màu được châm vào bể phản ứng bậc 2 T09-A để xử lý độ màu còn lại trong nước thải.

Tại bể trung hòa T09-A dung dịch xút hoặc acid được châm vào để trung hòa nước thải khi giá trị pH nước thải dòng vào không ổn định và được điều khiển tự động bằng thiết bị đo pH online, nước thải sau khi được trung hòa thì được châm khử màu vào bể T09A.

Cụm bể keo tụ - tạo bông bậc 02

Dung dịch PAC được châm vào bể keo tụ bậc 2 T09-B để keo tụ các tạp chất có trong nước thải và các tạp chất sinh ra từ quá trình xử lý loại bỏ độ màu ở bể T09-A. Sau khi keo tụ, nước thải sẽ qua bể tạo bông bậc 2 T09-C. Tại đây, dung dịch Polymer Anion được châm vào bể để tăng khả năng kết dính của các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất lơ lửng trong nước thải.

Bể lắng bùn hóa lý & ngăn thu bùn hóa lý bậc 02 – T09-A/B/C, T10-A/B (Thiết kế cho 02 giai đoạn- công suất 4.000 m^3/ngày.đêm

Hỗn hợp bông cặn và nước thải được dẫn qua bể lắng hóa lý bậc 2 T10-A nhằm tách bông cặn và nước thải. Bông cặn kết dính sẽ lắng xuống đáy bể lắng, nước tách bùn sẽ chảy vào máng thu nước và tự chảy về bể khử trùng T11.

Phần bùn được giữ lại ở đáy bể lắng sẽ được dẫn vào ngăn thu bùn hoá lý T10-B và sẽ được bơm vào bể nén bùn T12.

Kiểm soát bông bùn tại ra ở bể T09-C, bông bùn lớn sẽ diễn ra quá trình lắng nén tốt.

Thí nghiệm Jatex hàng ngày để tìm ra lượng PAC, khử màu, Polymer tối ưu cho quá trình xử lý.

Điều chỉnh van tay để rút vừa đủ lượng bùn sinh ra.

Hình 5. Cụm bể keo tụ - tạo bông giai đoạn 2

Bể khử trùng T11 (Thiết kế cho 02 giai đoạn)

Tại bể khử trùng T11, một phần nước sau xử lý sẽ được sử dụng để cấp nước rửa băng tải cho máy ép bùn, phần còn lại sẽ được châm dung dịch Chlorine để tiêu diệt hết vi sinh gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và bột giấy (Kq = 0,9; Kf = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

Nước sau xử lý sẽ được dẫn đến mương đo lưu lượng hiện hữu. Tại đây, nước thải sau xử lý được kiểm tra chất lượng thông qua trạm quan trắc nước thải hiện hữu QT trước khi dẫn đến nguồn tiếp nhận.

- ***Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 3 (xây mới)***

Năm 2021, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long tiến hành xây dựng module 3 cho nhà máy xử lý nước thải với công suất 2.000 m^3/ngày.đêm nâng tổng công suất nhà mày xử lý lên 6.000 m^3/ngày.đêm.

- Lưu lượng thiết kế trung bình ngày : 2.000 m^3/ngày.đêm
- Lưu lượng thiết kế trung bình giờ : 83,3 m^3/giờ
- Thời gian hoạt động : 24 giờ/ngày

Hệ thống xử lý nước thải module 3, công suất: 2.000 m^3/ngày.đêm được thiết kế đáp ứng được yêu cầu nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 0,9); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12-MT:2015/BNTMT, cột A ((kq = 0,9; kf = 1,0) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (k = 1,0).

- ***Quy trình công nghệ xử lý***

Nước thải → song chắn rác thô → Hầm bơm (dùng chung của giai đoạn 1, 2 và 3) → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1, 2) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (kq =0,9; kf =0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BNTMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (kq = 0,9; kf = 1,0) và cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

Quy trình sơ đồ công nghệ như sau:

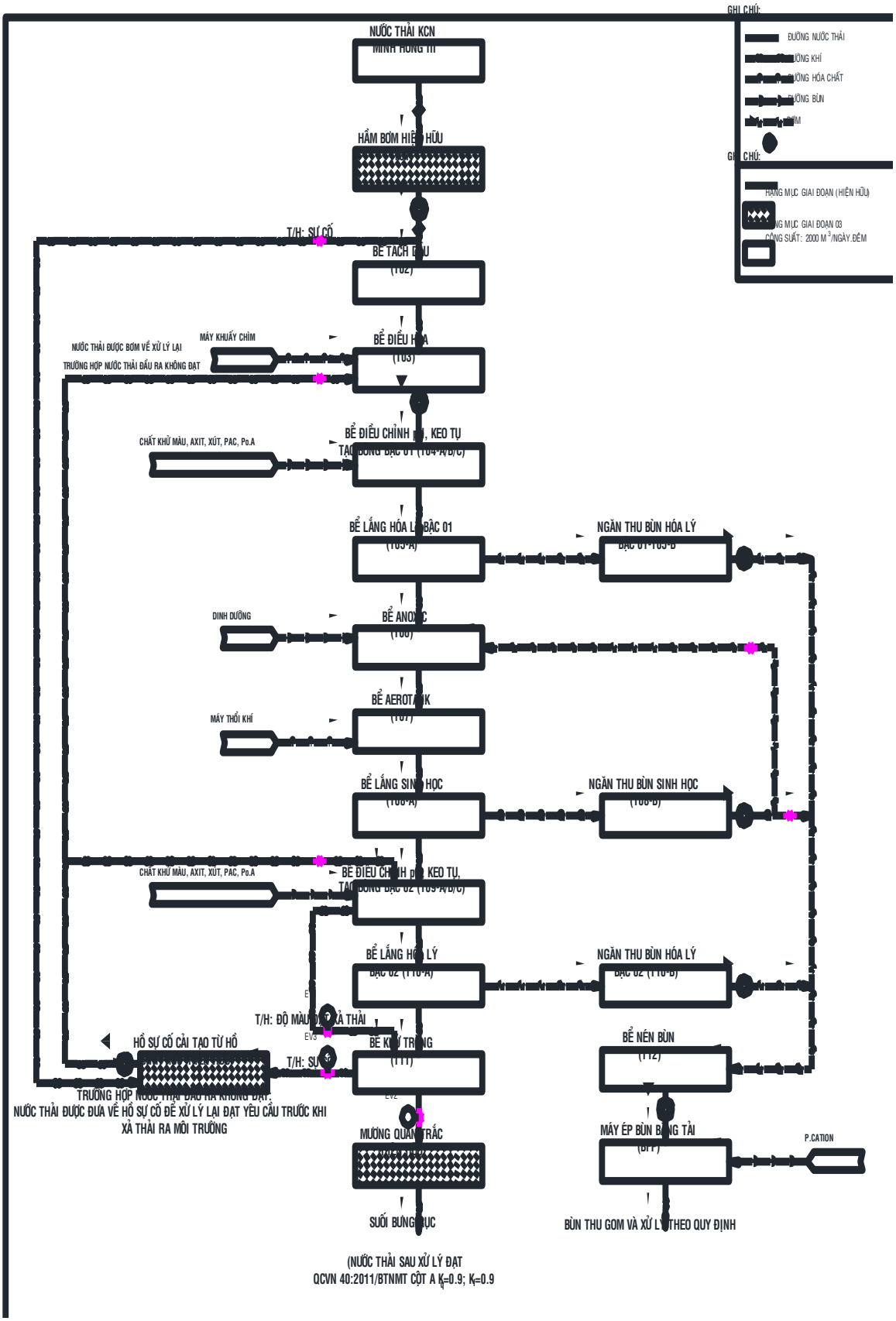

Hình 6. Quy trình công nghệ hệ thống XLNT KCN Minh Hưng III Giai đoạn 3, công suất: 2.000 m^3/ngày.đêm

❖ ***Thuyết minh quy trình công nghệ***

Hầm bơm hiện hữu - T01 (Dùng chung cho giai đoạn 01, 02 và 03)

Nước thải từ các Nhà máy trong KCN Minh Hưng III được thu gom dẫn về Hầm bơm hiện hữu T01 dùng chung với giai đoạn 1 và 2 (tận dụng đường ống dẫn nước thải đầu vào hiện hữu DN700, đáp ứng cho Giai đoạn 3). Hầm bơm với chức năng thu gom nước thải, tách rác thô và trung chuyển nước thải đến cụm bể xử lý.

Tại hầm bơm nước thải, các loại rác có kích thước lớn được giữ lại nhờ lược rác thô. Nước thải từ hầm bơm được bơm đến lược rác tinh SC02 trước khi vào bể tách dầu T02 bằng cụm bơm hoạt động luân phiên, số lượng bơm hoạt động tùy thuộc vào mức nước ở Hầm bơm và được kiểm soát bởi phao đo mực nước.

Bể tách dầu - T02

Nước thải từ hầm bơm được bơm qua lược rác tinh dạng trống quay để tách các thành phần rác và cặn có kích thước ≥ 2 mm trước khi chảy vào Bể tách dầu T02. Tại T02, thành phần dầu mỡ có trong nước thải sẽ được thu gom và chứa vào thùng chứa dầu, định kỳ sẽ được thu gom xử lý. Nước thải sau khi tách dầu sẽ tự chảy vào Bể điều hòa T03.

Bể điều hòa - T03

Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng, nồng độ, tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau. Nhờ đó mà giảm kích thước thiết bị và khắc phục được những vấn đề vận hành do sự dao động lưu lượng, chất lượng nước thải nhằm hạn chế đến mức tối thiểu trường hợp quá tải, nâng cao hiệu suất xử lý của các công đoạn phía sau.

Bên trong bể điều hòa được xáo trộn liên tục bởi hệ thống khuấy chìm tạo môi trường xáo trộn đều các chất ô nhiễm trong toàn bộ thể tích nước thải, tránh việc lắng cặn trong bể. Chính nhờ quá trình xáo trộn này, nước thải được điều hoà về lưu lượng và thành phần các chất ô nhiễm như: COD, BOD, SS, pH…

Cụm bể điều chỉnh pH - keo tụ - tạo bông - lắng bùn hóa lý và ngăn thu bùn hóa lý bậc 1 – T04-A/B/C, T05-A/B

Nước thải từ bể điều hòa T03 được bơm lên bể điều chỉnh pH bậc 1 T04-A. Tại đây, nước thải được kiểm soát pH và thế oxy hóa khử bằng thiết bị đo pH/ORP online. Xút hoặc Axít được châm vào để điều chỉnh pH phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình keo tụ, tạo bông diễn ra. Thiết bị đo ORP giúp kiểm soát nồng độ ô nhiễm trong nước thải và điều khiển quá trình vận hành hệ thống hóa lý 1 nhằm tiết kiệm tối đa hóa chất sử dụng.

Dung dịch PAC được châm vào bể keo tụ bậc 1 T04-B để keo tụ các tạp chất có trong nước thải và các tạp chất sinh ra từ quá trình xử lý loại bỏ độ màu ở bể T04-A. Sau khi keo tụ, nước thải sẽ qua bể tạo bông bậc 1 T04-C. Tại đây, dung dịch polymer anion được châm vào bể để tăng khả năng kết dính của các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Dung dịch chất khử màu được châm vào bể T04-C để xử lý loại bỏ màu cho nước thải có độ màu cao từ các nhà máy nhuộm và in nhuộm, thuốc nhuộm và các nhà máy sản xuất bột màu, các nhà máy sản xuất mực in và giấy.

Các bể T04-A/B/C được khuấy trộn bằng các motor nhằm tăng khả năng phản ứng giữa hóa chất và nước thải. Hóa chất (axit, xút, chất khử màu, PAC, polymer anion) được châm vào hệ thống bằng hệ thống bơm định lượng.

Hỗn hợp nước thải và bùn từ bể tạo bông sẽ được dẫn sang bể lắng hóa lý bậc 1 T05-A. Bùn và nước sẽ được phân tách bởi trọng lực. Bùn sẽ được giữ lại tại đáy bể lắng và nước sẽ được thu bởi máng thu được thiết kế tại bề mặt bể lắng và sau đó tự chảy sang bể Anoxic T06.

Bùn lắng tại bể lắng hóa lý bậc 1 T05-A sẽ được thu về ngăn thu bùn hóa lý bậc 1 T05-B. Sau đó, bùn được bơm đến bể nén bùn T12 bằng cụm bơm bùn hoạt động luân phiên.

Cụm bể sinh học thiếu khí Anoxic T06 – hiếu khí Aerotank T07

Nước thải từ bể lắng hóa lý bậc 1 T05-A sẽ được dẫn sang cụm bể sinh học thiếu khí T06 – hiếu khí T07. Tại đây, các thành phần ô nhiễm COD, BOD, N, P, ... sẽ được xử lý thông qua hoạt động của các vi sinh vật thiếu khí và hiếu khí có trong hỗn hợp bùn hoạt tính.

Trong đó, Nitơ sẽ được xử lý thông qua 2 quá trình như sau:

Quá trình Nitrat hóa: là quá trình chuyển hóa các hợp chất Nitơ ở dạng hữu cơ thành Nitơ ở dạng Nitrit, Nitrat nhờ các vi sinh hiếu khí trong bể sinh học hiếu khí Aerotank:

$$Nitrosomonas + NH_3 + 3/2O_2 \rightarrow NO_2^- + H^+ + H_2O + Nitrosomonas$$

$$Nitrobacter + NO_2^- + 1/2O_2 \rightarrow NO_3^- + Nitrobacter$$

Quá trình khử Nitrat: là quá trình khử các hợp chất Nitơ ở dạng Nitrat thành Nitơ tự do nhờ các vi sinh vật thiếu khí trong bể Anoxic T06.

$$NO_3^- + 1.08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0.065C_5H_7O_2N + 0.47N_2 + 0.76CO_2 + 2.44H_2O$$

Trong bể Aerotank hệ vi sinh vật hiếu khí tồn tại dưới dạng bông bùn lơ lửng có vai trò chuyển hoá các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO2, H2O… Để cung cấp dưỡng khí cho vi sinh hoạt động và duy trì trạng thái lơ lửng cho bùn hoạt tính, không khí được cấp vào bể qua hệ thống đĩa phân phối khí mịn. Lượng không khí được cấp cho bể Aerotank T07 thông qua hệ thống máy thổi khí hoạt động luân phiên, nhằm cung cấp lượng oxy cần thiết cho vi sinh hiếu khí.

Hệ thống máy thổi khí sẽ hoạt động theo tín hiệu của thiết bị đo Oxy hòa tan. Khi lượng Oxy vượt ngưỡng cần thiết thì thiết bị đo DO sẽ xuất tín hiệu về tủ điện và tủ điện sẽ xuất tín hiệu về biến tần điều khiển công suất chạy của máy thổi khí để tiết kiệm năng lượng. Lượng oxy hòa tan duy trì trong bể khoảng 2mg/l.

Hỗn hợp bùn sinh học và nước cuối bể Aerotank T07 sẽ được 02 bơm nội tuần hoàn chạy luân phiên tuần hoàn về bể Anoxic T06 để thực hiện quy trình xử lý Nitơ. Phần bùn và nước còn lại sẽ tự chảy vào bể lắng sinh học T08-A.

Quy trình xử lý tuần hoàn Anoxic – Aerotank giúp cho việc xử lý triệt để hàm lượng Nitơ trong nước thải. Ngoài ra, để hạn chế việc thiếu dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động trong trường hợp nước thải đầu vào có hàm lượng COD, BOD thấp và Nitơ cao thì chất dinh dưỡng sẽ được châm vào bằng 02 bơm định lượng hoạt động luôn phiên để bổ sung dinh dưỡng, đảm bảo sự phát triển ổn định cho vi sinh xử lý Nitơ.

Bể lắng bùn sinh học và ngăn thu bùn sinh học T08-A/B

Nước thải từ bể Aerotank T07 tự chảy qua bể lắng bùn sinh học T08-A. Tại đây, quá trình tách pha xảy ra, bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể lắng, nước trong sẽ tiếp tục chảy qua cụm bể xử lý hóa lý bậc 2.

Bùn hoạt tính sau khi lắng sẽ được thu về ngăn thu bùn sinh học T08-B. Bùn sinh học sẽ được cụm bơm bùn luân phiên bơm tuần hoàn về bể Anoxic T06 để duy trì lượng bùn sinh khối cho xử lý sinh học, phần bùn dư sẽ được bơm bùn dư bơm về bể nén bùn T12.

Cụm bể phản ứng - keo tụ - tạo bông - lắng bùn hóa lý và ngăn thu bùn hóa lý bậc 2 – T09-A/B/C, T10-A/B

Để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn xả thải về các chỉ tiêu TSS, độ màu, ... hệ thống được thiết kế thêm cụm bể xử lý hóa lý bậc 2 bao gồm: Bể phản ứng T09-A, Bể keo tụ T09-B, bể tạo bông T09-C, bể lắng hóa lý T10-A và ngăn thu bùn hóa lý T10-B.

Nước thải sau quá trình xử lý sinh học của sẽ được dẫn đến bể T09-A, trước khi thực hiện các bước xử lý tiếp theo tại bể lắng sinh học T08-A gắn thiết bị đo độ màu online sẽ liên tục đo độ màu trong bể lắng sinh học.

Nếu độ màu đạt tiêu chuẩn cho phép (Độ màu ≤40.5 Pt-Co), cụm hóa lý bậc 2 sẽ không hoạt động, nước thải sẽ được dẫn tới bể khử trùng T11 nhờ van điện điều khiển.

Trong trường hợp độ màu trong nước thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép (Độ màu >40.5 Pt-Co), cụm hóa lý bậc 2 sẽ được kích hoạt: Hóa chất HCl hoặc NaOH được châm vào bể phản ứng bậc 2 T09-A để điều chỉnh pH phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình keo tụ, tạo bông diễn ra để xử lý độ màu còn lại trong nước thải. Dung dịch PAC được châm vào bể keo tụ bậc 2 T09-B để keo tụ các tạp chất có trong nước thải. Sau khi keo tụ, nước thải sẽ qua bể tạo bông bậc 2 T09-C. Tại đây, dung dịch khử màu được châm để xử lý màu còn lại trong nước thải và tiếp theo dung dịch Polymer Anion được châm vào bể để tăng khả năng kết dính của các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất lơ lửng trong nước thải.

Hỗn hợp bông cặn và nước thải được dẫn qua bể lắng hóa lý bậc 2 T10-A nhằm tách bông cặn và nước thải. Bông cặn kết dính sẽ lắng xuống đáy bể lắng, nước tách bùn sẽ chảy vào máng thu nước và tự chảy về bể khử trùng T11.

Phần bùn được giữ lại ở đáy bể lắng sẽ được dẫn vào ngăn thu bùn hoá lý 2 T10-B và sẽ được bơm vào bể nén bùn T12.

Bể khử trùng T11

Tại bể khử trùng T11, nước thải sau xử lý sẽ được châm dung dịch Chlorine để tiêu diệt hết vi sinh gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 0,9). Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12:2015/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 0,9). Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

Nước sau xử lý sẽ được dẫn đến mương đo lưu lượng hiện hữu. Tại đây, nước thải sau xử lý được kiểm tra chất lượng thông qua trạm quan trắc nước thải hiện hữu QT trước khi dẫn đến nguồn tiếp nhận.

Ngoài ra khi lưu lượng nước thải về nhà máy xử lý lớn hơn 6.000 m^3/ngày.đêm, nước thải từ hầm bơm sẽ được bơm về Hồ sự cố (cải tạo Hồ sinh học hiện hữu) để chứa tạm & bơm về hệ thống tái xử lý.

Hồ sinh học được cải tạo thành hồ sự cố nhằm mục đích chứa nước thải đầu ra trong trường hợp xử lý chưa đạt quy chuẩn theo qui định do sự cố trong quá trình hoạt động. Hệ thống được kiểm soát bằng nhà quan trắc tự động trong trường hợp đạt chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq =0,9; Kf =0,9, không đạt thì đưa về hồ sự cố. Nước từ hồ sự cố được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại.

Phương thức vận hành hệ thống xử lý nước thải: Tổng lượng nước thải phát sinh từ các nhà máy thứ cấp được thu gom về trạm XLNT tập trung của KCN Minh Hưng III, tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (với số lượng 72 người) trong năm 2025 khoảng 3,24 m^3/ngày và năm 2024 khoảng 3,24 m^3/ngày.
- Lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm 2025 khoảng 2.913,14 (m^3/ngày.đêm); năm 2024 khoảng 3.827,41 (m^3/ngày.đêm).
- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong giấy phép môi trường là 6.000 m^3/ngày.đêm;
- Tỷ lệ nước thải phát sinh so với công suất xử lý và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung, trung bình khoảng: 48,55 %;
- Số ngày vận hành trong năm/ số ngày dừng vận hành hoặc bảo dưỡng: 365/0 ngày;
- Lượng điện tiêu thụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung: 1.075.450 (KWh/năm), khoảng 97.768,2 (KWh/tháng);
- Lượng bùn thải phát sinh : 455.240 kg/năm, biện pháp xử lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý: Công ty TNHH môi trường Cao Gia Quý.

3. Kết quả quan trắc nước thải

3.1. Quan trắc định kỳ nước thải

Nước thải từ các Nhà máy trong KCN Minh Hưng III và từ nhà vệ sinh hạ tầng được thu gom dẫn sẽ được thải vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN dẫn về

hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Do đó, Nhà máy chỉ tiến hành quan trắc định kỳ nước thải tại trước hệ thống xử lý nước thải và sau hệ thống xử lý nước thải trước khi ra nguồn tiếp nhận.

- Thời gian quan trắc: Ngày 01/4/2025, 26/6/2025, 12/9/2025 và 15/12/2025.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:
  + Điểm quan trắc 1: Nước thải trước xử lý;
  + Điểm quan trắc 2: Nước thải sau xử lý;
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 8 mẫu
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt; Số Vimcerts: 066.
- Đánh giá kết quả quan trắc:

Tất cả các chỉ tiêu giám sát trong nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trước khi ra nguồn tiếp nhận qua các đợt quan trắc định kỳ đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

a) Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hiện tại, công ty đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động theo nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Thông số quan trắc: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, ammonia tại mương quan trắc, camera xoay trên cao để quan sát các hạng mục công trình xử lý, thiết bị lấy mẫu tự động.

Nhà máy đã kết nối quan trắc tự động về Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh Đồng Nai theo Công văn xác nhận đấu nối quan trắc tự động số 632/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 4 năm 2022.

- Vị trí lắp đặt trạm: tại vị trí lắp đặt cạnh đầu điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải (trong khuôn viên Nhà máy)
  + Tọa độ trạm: X(m) = 1.267940 , Y(m) = 538590 *(Theo tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').*
- Đặc điểm nguồn thải được giám sát: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất tại Nhà máy sẽ phát sinh ra các chất ô nhiễm có thể như pH, COD, TSS, Amoni.
- Tần suất thu nhận dữ liệu: 5 phút/lần.
- Công ty đã tiến hành hiệu chuẩn các máy móc thiết bị của hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục định kỳ 1 lần/năm để đảm bảo hệ thống quan trắc nước thải hoạt động đạt các yêu cầu kỹ thuật đo lường.
- Danh mục thông số quan trắc, giá trị QCVN để so sánh với giá trị quan trắc đối với từng thông số

Bảng 3. Danh mục thông số quan trắc

TT	Nhóm thông số	Theo QCVN
1	Lưu lượng đầu vào	-
2	Lưu lượng đầu ra	-
3	Nhiệt độ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
4	pH	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
5	TSS	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
6	COD	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
7	Amoni	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

- Thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị: thời gian, tần suất hiệu chuẩn, kiểm định.

Bảng 4. Thông tin về hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị

TT	Tên thiết bị	Model *(nếu có)*	Thời gian hiệu chuẩn	Tần suất hiệu chuẩn
1	Phương tiện đo pH	CPF81D	19/11/2025	01 lần/năm
2	Phương tiện đo COD	CAS51D	19/11/2025	01 lần/năm
3	Phương tiện đo TSS	CUS51D	19/11/2025	01 lần/năm
4	Phương tiện đo Amoni	CAS40D	19/11/2025	01 lần/năm
5	Phương tiện đo nhiệt độ	CPF81D	19/11/2025	01 lần/năm
6	Phương tiện đo lưu lượng	M MAG 5000	19/11/2025	01 lần/năm

b) Tình trạng hoạt động của trạm

- Thống kê mức độ đầy đủ của các kết quả quan trắc.

Bảng 5. Bảng thống kê số liệu quan trắc theo thiết kế trong 1 giờ

Thông số	Lưu lượng đầu vào	Lưu lượng đầu ra	Nhiệt độ	pH	TSS	COD	Amoni
Số giá trị quan trắc theo thiết kế trong 1 giờ	12	12	12	12	12	12	12
Số giá trị quan trắc nhận được	12	12	12	12	12	12	12
Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường	0	0	0	0	0	0	0
Tỉ lệ số liệu nhận được so với số giá trị theo thiết kế (%)	100	100	100	100	100	100	100

Thông số	Lưu lượng đầu vào	Lưu lượng đầu ra	Nhiệt độ	pH	TSS	COD	Amoni
Tỉ lệ số liệu lỗi/bất thường so với số giá trị nhận được (%)	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 6. Bảng thống kê số liệu quan trắc nhận được trong 3 ngày hệ thống gặp sự cố (26, 27, và 28/03/2025)

Thông số	Lưu lượng đầu vào	Lưu lượng đầu ra	Nhiệt độ	pH	TSS	COD	Amoni
Số giá trị quan trắc theo thiết kế trong 3 ngày	864	864	864	864	864	864	864
Số giá trị quan trắc nhận được	864	864	864	864	864	0	0
Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường	0	0	0	0	0	864	864
Tỉ lệ số liệu nhận được so với số giá trị theo thiết kế (%)	100	100	100	100	100	0	0
Tỉ lệ số liệu lỗi/bất thường so với số giá trị nhận được (%)	0	0	0	0	0	100	100

- Các sự cố với hệ thống quan trắc tự động, nguyên nhân, cách khắc phục:
  - Ngày 26/03/2025, đầu dò Amoni và COD gặp sự cố. Nguyên nhân do thiết bị đã sử dụng lâu ngày, các linh kiện bên trong không còn hoạt động.
  - Khoảng thời gian dừng hoạt động: 26-28/03/2025
  - *Cách khắc phục:*
  - ✓ Kiểm tra lại hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: Kiểm tra các hệ thống kết nối điện, internet, đường truyền dữ liệu, đầu dò COD và Amoni có bị bám cặn hay không.
  - ✓ Lấy mẫu nước thải, lưu mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm nhà máy XLNT.
  - ✓ Liên hệ với đơn vị cung cấp thiết bị để thay mới Sensor COD, Sensor Amoni, cấu hình và thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, đánh giá lại độ chính xác RA của thiết bị mới theo quy định của pháp luật.

c) Nhận xét kết quả quan trắc

Số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số).

Bảng 7. Thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn QCVN

Thông số	Số ngày có giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Số giá trị trung bình 1 giờ vượt	Tỷ lệ giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN (%)
pH	0	0	-
TSS	0	0	-
COD	1	1	0.003
Amoni (NH_4^+)	0	0	-

- Thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn của QCVN: vào ngày 08/01/2025 (04:00) thông số COD vượt ngưỡng so với QCVN 40:2011/BTNMT, Cmax=CxKqxKf, Cột A (Kq=0,9, Kf=0,9). Cụ thể giá trị vượt ngưỡng là 61.26 (mg/L) so với QCVN là 60.75 (mg/L).
- Công ty đã thực hiện rà soát lại hệ thống, thực hiện lấy mẫu và phân tích để kiểm tra, sau đó hệ thống đã hoạt động ổn định.

Bảng kết quả tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ *(đính kèm tại Phụ lục báo cáo)*

- **Kết luận:**

Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long đảm bảo việc thống kê ghi chép đầy đủ quá trình vận hành của hệ thống quan trắc nước thải tự động, thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị; Báo cáo và khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra đối với hệ thống quan trắc nước thải tự động của Nhà máy.

Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long cam kết thực hiện việc truyền dữ liệu của trạm quan trắc nước thải tự động về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Các chỉ số hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục đều nằm trong quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

IV. CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

1.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đang hoạt động bình thường. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đôi khi cũng xảy ra các sự cố làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thải đầu ra và điều này gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Trong quá trình vận hành, có thể có một số thời điểm xảy ra sự cố ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả. Vì vậy, Công ty sẽ có một số biện pháp để khắc phục các sự cố có thể xảy ra khi vận hành hệ thống xử lý tập trung. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cụ thể như sau:

Xây dựng trạm biến áp 250 KVA cho giai đoạn 3 đồng thời lắp đặt máy phát điện với công suất 150 KVA.

Đối với trường hợp có sự cố về máy móc thiết bị: Trong hệ thống xử lý nước thải, sự cố về máy móc thiết bị có thể gặp là hư hỏng máy bơm.

Công ty đã có kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo trì các máy móc thiết bị, đồng thời trang bị máy móc dự phòng cho hệ thống nên sự cố này có thể khắc phục được. Sự cố rò rỉ hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống để phát hiện và xử lý kịp thời.

Định kỳ 1 tháng/1lần kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra trước khi xả ra nguồn tiếp nhận để kịp thời phát hiện nước không đạt quy chuẩn. Trong trường hợp, nước thải nhà máy trong KCN không đạt tiêu chuẩn, Ban Quản lý KCN tiến hành khóa van, yêu cầu nhà máy khắc phục sự cố xử lý đạt tiêu chuẩn mới được xả nước thải vào nhà máy xử lý nước thải KCN Minh Hưng III.

Hiện tại, công ty đã hoàn thành lắp đặt và kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III và kết nối truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước tại công văn số 632/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 04 năm 2022. Các thông số quan trắc có trong nước thải gồm: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD và Amoni.

Thường xuyên huấn luyện nâng cao cho công nhân vận hành trạm xử lý.

Như vậy, khi thực hiện các biện pháp trên có thể hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố có thể làm ngưng hoạt động hệ thống xử lý nước thải hoặc hoạt động không hiệu quả.

Ngoài ra khi lưu lượng nước thải về nhà máy xử lý lớn hơn 6.000 m^3/ngày.đêm, nước thải từ hầm bơm sẽ được bơm về Hồ sự cố (cải tạo Hồ sinh học hiện hữu) để chứa tạm & bơm về hệ thống tái xử lý.

Hình 7. Hồ sự cố hệ thống xử lý nước thải

Hồ sinh học được cải tạo thành hồ sự cố nhằm mục đích chứa nước thải đầu ra trong trường hợp xử lý chưa đạt quy chuẩn theo qui định do sự cố trong quá trình hoạt động. Hệ thống được kiểm soát bằng nhà quan trắc tự động trong trường hợp đạt chất

lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq =0,9; Kf =0,9, không đạt thì đưa về hồ sự cố. Nước từ hồ sự cố được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại.

Hồ sự cố có chiều dài B*L*H = 57m x 132 m x 2,5 m, thể tích 18.810 m^3, thời gian lưu 3,1 ngày đảm bảo lưu chứa trong trường hợp có sự cố hệ thống xử lý nước thải.

Đồng thời hồ sự cố gồm lớp đất tự nhiên đầm chặt, lót màng HDPE dày 1,0mm, phía trên được chặn bởi lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100. Chiều sâu 2,5 m được chia làm 2 ngăn.

Đường ống dẫn nước thải từ hồ sự cố về hệ thống xử lý nước thải bao gồm:

- Phần nổi có cấu tạo bằng Inox SS304, D140 (DN125) có chiều dài 12,5m
- Phần chìm có cấu tạo bằng nhựa uPVC, D140 (DN125) có chiều dài 145m

Tại hồ sự cố có lắp đặt mới 2 máy bơm chìm nước thải có thông số kỹ thuật như sau:

- Bơm nước hồ sự cố (WPSC-A/B)
- Model: CN80
- Kiểu bơm: dạng bơm chìm
- Lưu lượng: 84 m^3/h
- Cột áp: 8,4 mH_2O
- Công suất: 3,7 kW / 3 pha / 380V / 50 Hz
- Thân, cánh bơm: gang đúc FC200; trục: thép không gỉ SUS420J2
- Cơ cấu seals: bộ phốt làm kín dạng đôi, vật liệu: SiC/SiC
- Chế độ bảo vệ quá nhiệt: dạng Auto-cut
- Độ bảo vệ: IP68, chuẩn cách điện: lớp E
- Bao gồm Auto Coupling, gang đúc (dạng 2 thanh trượt)
- Thanh trượt bơm, xích kéo: SS304

Quy trình vận hành hồ sự cố:

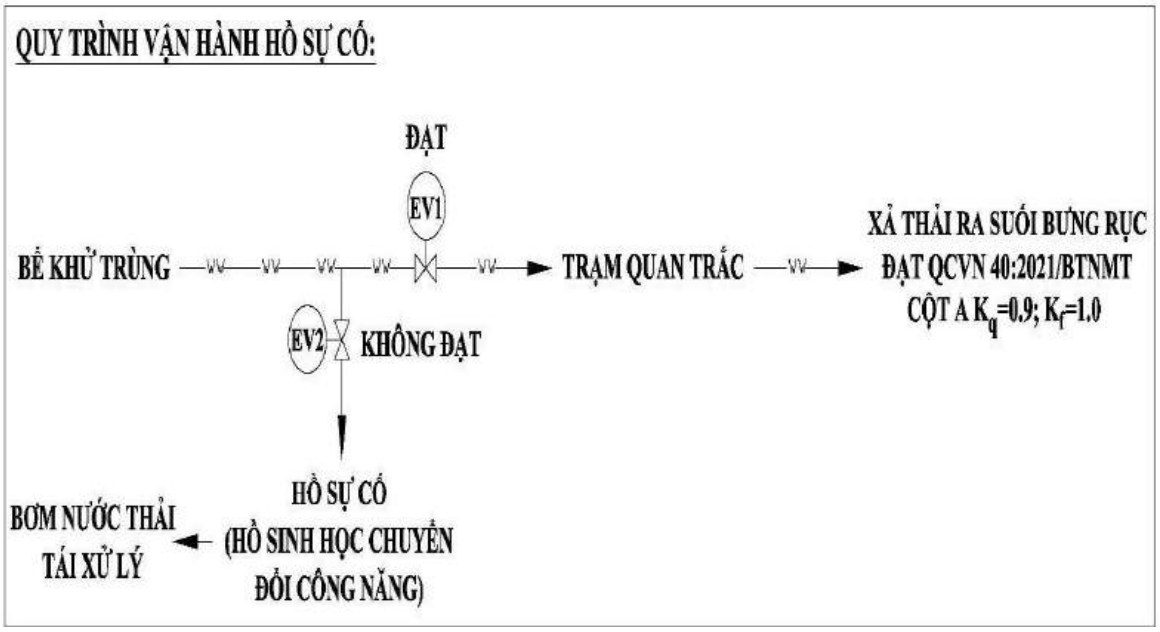

+ *Trường hợp 1:* Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp **QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 0,9)** sẽ xả thải ra nguồn tiếp nhận theo chế độ hoạt động của van điện:

EV1: MỞ EV2: ĐÓNG

+ *Trường hợp 2:* Nước thải sau xử lý không đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước

thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 0,9) sẽ được tự động kích hoạt bằng van điện, tự chảy về đến hồ sự cố để lưu trữ bằng ống DN 350 uPVC dài 1m và bơm về bể điều hoà hoặc cụm bể hoá lý 02 bằng ống inox D =140, L =120 m để tái xử lý bằng cụm bơm chìm theo chế độ hoạt động của van điện:

EV1: ĐÓNG EV2: MỞ

Việc kiểm soát hoàn toàn tự động đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt **Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 0,9)** trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Đồng thời khi lưu lượng nước thải về nhà máy xử lý vượt công suất 250 m^3/h thì sẽ bật bơm dự phòng bơm nước thải từ hố thu gom về hồ sự cố.

Khi lưu lượng nước thải từ hồ thu gom nhỏ hơn công suất 250 m^3/h thì sẽ bơm nước thải từ hồ sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Hai bơm CN80 công suất 84 m^3/h, 1 bơm vận hành, 1 bơm dự phòng để bơm nước thải quay về bể điều hòa.

1.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong trường hợp các sự cố xảy ra cần xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp:

- Ưu tiên số 1 là cứu người;
- Ưu tiên thứ 2 là giải pháp giảm phóng tài sản

- Ưu tiên số 3 là thông báo cầu viện (nếu cần thiết) và xử lý sự cố.

Trong trường hợp sự cố xảy ra, việc ứng dụng các công cụ kỹ thuật mới được áp dụng một cách triệt để nhằm giảm thiểu những tác động xấu do sự cố gây ra. Chủ dự án áp dụng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường chủ yếu như sau:

Ngoài ra còn thực hiện biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa:

- Đào tạo, hướng dẫn cho công nhân về an toàn lao động trong quá trình vận hành hệ thống XLNT.
- Phối hợp với Ban an toàn lao động của Sở Lao động và Thương binh Xã hội tỉnh Bình Phước đào tạo nội quy an toàn và vận hành thiết bị cụ thể của hệ thống XLNT.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ và thiết bị hộ lao động cho công nhân, phù hợp với công việc cụ thể.
- Kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân làm việc trong hệ thống XLNT;
- Bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ.

➢ ***Quy trình và hành động ứng phó sự cố tai tạn lao động***

- Sơ cứu nhằm mục đích: Duy trì sự sống, ngăn chặn diễn biến xấu hơn, thúc đẩy sự phục hồi chấn thương.
- Sơ tán những người không có trách nhiệm ra khỏi khu vực tai nạn, đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng, môi trường an toàn.
- Trường hợp nếu da hoặc người lao động bị nhiễm nhiều hóa chất, phải rửa sạch người lao động bị tổn thương đó bằng nước sau khi cởi quần áo ra.
- Trường hợp cán bộ vận hành bất cẩn rơi vào các bể nước gây đuối nước cần tiến hành các hoạt động sơ cứu hô hấp tại chỗ và đưa đi bệnh viện kịp thời.
- Phải di chuyển nạn nhân một cách cẩn thận từ nơi nguy hiểm tới nơi an toàn và đặt ở tư thế dễ phục hồi nhất. Nếu người lao động bị bất tỉnh, bị thương không thoát ra được có thể dùng cáng vải hoặc đỡ đầu và túm chặt quần áo để đưa ra khỏi vùng nguy hiểm, đến nơi an toàn.
- Đưa nạn nhân đến trạm y tế gần nhất hoặc gọi xe cấp cứu (trường hợp nguy hiểm-gọi 115) để kịp thời cứu chữa.

1.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Trong giai đoạn vận hành các cán bộ vận hành thực hiện pha chế hóa chất xử lý nước thải (pha NaOH, H_2SO_4, PAC, Polymer,…) . Xây dựng kho chứa hóa chất giai đoạn 3&4 với kích thước 11,1 m x 4,9 m = 54,39 m^2 vì vậy các sự cố về rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể gây cháy nổ và ảnh hưởng rất lớn về người và tài sản. Vì vậy, để đảm bảo tránh và hạn chế đến mức thấp nhất về sự cố có thể thực hiện các biện pháp sau:

➢ ***Chuẩn bị phòng ngừa và hạn chế tác hại của hóa chất:***

Một số giải pháp kỹ thuật hạn chế tác hại của hóa chất:

- Bao, che hoặc cách ly nguồn phát sinh hóa chất nguy hiểm;
- Thông gió;
- Nắm rõ các mối nguy, bảng thông tin MSDS và trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao
- động theo tiêu chuẩn khi tiếp xúc;
- Tồn trữ trong các thiết bị, bồn chứa an toàn;
- Tiến hành phân loại và dán nhãn các loại hóa chất khi sử dụng;
- Bố trí đầy đủ nhãn mác và biển báo an toàn cho từng loại hóa chất;
- Thiết kế bồn chứa hoá chất căn cứ vào đặc điểm hoá lý của lưu chất chứa trong bồn, có sự lựa chọn vật liệu chế tạo phù hợp để loại trừ hiện tượng ăn mòn;
- Thiết kế móng đảm bảo kỹ thuật, loại trừ hiện tượng lún sụt dẫn đến phá huỷ bồn;
- Thiết kế cấu trúc bồn phù hợp nhằm đảm bảo tính bền cơ học, tuổi thọ của thiết bị;
- Vệ sinh cá nhân ngay sau khi sử dụng;
- Bố trí đầy đủ thiết bị ƯPSCHC trong trạm xử lý nước thải (vòi rửa hóa chất, túi sơ cấp cứu, thuốc men, thiết bị ứng cứu);
- Thiết lập chương trình kiểm tra giám sát và kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất.

➢ ***Quy trình vận chuyển, tiếp nhận hóa chất an toàn***

Hoạt động pha chế hóa chất xử lý nước thải cũng như việc vận chuyển hóa chất tại trạm xử lý nước thải cần phải tuân thủ một số quy định về an toàn trong vận chuyển như sau:

- Trước khi tiếp hành xếp dỡ, phải kiểm tra lại bao bì, nhãn hiệu;
- Nhân viên vận chuyển, tiếp nhận phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân;
- Tất cả các thiết bị để vận chuyển hóa chất không được hư hỏng hay bị rò rỉ;
- Phải vận chuyển hoá chất cùng với các tài liệu cung cấp thông tin về hóa chất;
- Tránh chất đống bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Thiết bị chứa được sắp xếp đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;
- Khi xảy ra sự cố phải báo ngay với cơ quan lao động, y tế, công an để có biện pháp giải quyết kịp thời;
- Nhân viên chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận chuyển hóa chất phải: hướng dẫn cụ thể cho các thành viên khác vị trí tiếp nhận, đặc điểm lộ trình, thời gian vận chuyển và nội quy giao hàng vào kho,...

➢ ***Quy định an toàn trong bảo quản hóa chất***

Để hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, lưu trữ hóa chất, cần thực hiện một số quy định về an toàn như sau:

- Có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của các hoá chất và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển,…

- Tổ chức tốt việc giao nhận hóa chất đúng lúc, hoá chất được xếp lên giá và xếp đống
- đúng quy cách, đảm bảo an toàn, ngăn nắp và dễ dàng nhìn thấy nhãn;
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro;
- Thường xuyên kiểm tra lại quần áo và các thiết bị an toàn. Cấm hút thuốc và sử dụng lửa trần trong phạm vi nhà kho; có bản chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhận thấy;
- Thực hiện tốt biện pháp phòng chóng cháy do thiết bị điện;
- Lắp đặt cột thu lôi chống sét.

➢ ***Ứng phó sự cố hóa chất***

Tùy theo từng cấp độ mà các tình huống không mong muốn xảy ra trong khu vực quản lý của trạm xử lý nước thải có thể nhận thấy rằng mức độ ảnh hưởng của tình huống xấu nhất vẫn không thể ảnh hưởng đến tầm khu vực. Tuy nhiên, trạm xử lý nước thải đã phân cấp những sự cố có thể xảy ra thành ba cấp độ sự cố để có kế hoạch ứng phó phù hợp:

Cấp I- Trường hợp sự cố/tai nạn nhỏ không lập tức gây hại đến tính mạng, tài sản, môi trường và hoạt động vận hành tại trạm xử lý nước thải. Các tình huống này có thể kiểm soát và xử lý bằng các biện pháp xử lý tại chỗ. Lực lượng ứng cứu hiện trường chịu trách nhiệm huy động nguồn lực ứng cứu và thực hiện các biện pháp xử lý nói trên.

Cấp II – Các tình huống có thể gây nguy hiểm nhất định cho tính mạng, tài sản và môi trường (vụ cháy nổ nhỏ, nhiễm độc khí, điện giật, tai nạn lao động…). Để kiểm soát các tình huống này, ngoài việc triển khai các biện pháp ứng cứu bằng lực lượng ƯCTHKC tại chỗ còn huy động và phối hợp với các nguồn lực ứng cứu từ bên ngoài bao gồm các Công ty bên cạnh và kể cả lực lượng tại KCN Minh Hưng III theo các phương án đã thỏa thuận trước.

Cấp III- Trường hợp sự cố gây nên mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với tính mạng con người, môi trường và tài sản hoặc có khả năng phá hủy toàn bộ công trình (chết người, cháy lớn, nổ lớn, thiên tai, mất tích, bị tấn công vũ trang…). Tình huống này có thể xuất hiện ngay lập tức hoặc phát triển từ các tình huống, sự cố thấp hơn do không kiểm soát được và phát triển theo xu hướng ngày càng xấu đi. Trong các tình huống này, Công ty sẽ yêu cầu sự hỗ trợ của Sở ban ngành ngành liên quan, các trung tâm ứng cứu khẩn cấp khu vực.

Theo thời gian, cấp độ của tình huống khẩn cấp sẽ thay đổi, có thể tăng lên hay giảm xuống. Việc đánh giá tình huống khẩn cấp phải được thực hiện liên tục. Việc huy động lực lượng ứng cứu tình huống khẩn cấp phải luôn thay đổi. Tuy nhiên, người chỉ huy cao nhất tại hiện trường phải căn cứ theo tình huống xấu nhất để ra quyết định huy động lực lượng.

Theo tiêu chí về ứng phó khẩn cấp của Nhà máy xử lý nước thải KCN Minh Hưng III thì các tình huống luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt các ưu tiên theo trình tự như sau đây: Con người, Môi trường, Tài sản, Uy tín của Công ty.

1.4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn

Sự cố về kho chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường,

Phát tán cưỡng bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

➢ ***Quy trình ứng phó sự cố môi trường:***

- Số lượng nhân lực tham gia ứng phó: 05 người.
- Các bước xử lý:

+ Bước 1: Báo động

+ Bước 2: Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.

+ Bước 3: Xử lý việc phát tán, tràn đổ chất thải. Trong quá trình thực hiện chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật....

+ Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng của cơ sở, Công ty tiến hành thông báo ngay cho chính quyền địa phương, Ban quản lý khu công nghiệp và cơ quan Thường trực (Sở Tài nguyên và Môi trường), đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố xảy ra.

2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường

- Được thực hiện theo hồ sơ môi trường ban đầu của cơ sở.

2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

- Lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường:
- Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường;
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật;
- Có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

3. Tổng diện tích cây xanh trong khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp.

Tổng diện tích cây xanh của KCN Minh Hưng III là tích cây xanh đáp ứng đạt 20%.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét chung về chất lượng môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải qua các đợt quan trắc định kỳ cho thấy tất cả các chỉ tiêu giám sát trong nước thải đầu ra của hệ thống xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đều đạt ngưỡng cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (Kq = 0,9 và Kf= 0,9). Do đó, KCN Minh Hưng III vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu để kiểm soát chất lượng và giảm thiểu tác động của nước thải đến công nhân viên và môi trường xung quanh.

Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí của KCN Minh Hưng III, cho thấy tất cả các chỉ tiêu giám sát trong không khí qua đợt quan trắc 02 đợt đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT *(đính kèm phụ lục)*. Điều này cho thấy Công ty đang kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo môi trường không khí đạt chuẩn cho KCN Minh Hưng III.

Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường đất trong KCN Minh Hưng III, cho thấy tất cả các chỉ tiêu giám sát trong đất qua 02 đợt quan trắc đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT – Đất Công nghiệp *(đính kèm phụ lục)*. Điều này cho thấy Công ty đang kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo môi trường đất đạt chuẩn cho KCN Minh Hưng III.

2. Nhận xét và đánh giá chung về sự tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, công tác xử lý chất thải và quan trắc môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp và các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp

Các biện pháp xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại tại công ty vẫn đang thực hiện và duy trì theo đúng các quy định của nhà nước. Đồng thời, Công ty vẫn luôn không ngừng cải thiện các vấn đề môi trường nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các chính sách, quy định đã được triển khai từ các Cơ quan ban ngành có liên quan.

3. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có): Không có.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VP, XDCB.

CÔNG TY CP KCN CAO SU BÌNH LONG

Phó Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 3800376251 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG - P.MINH HƯNG - T.ĐỒNG NAI

Huỳnh Văn Tohi

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC BÁO CÁO

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 0848282480.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 15 tháng 7 năm 2008.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 44221000066 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Phước cấp lần đầu ngày 15/7/2008;

Căn cứ Công văn số 10331/BKHĐT-QLKT ngày 16/12/2024 về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Minh Hưng III – Cao su Bình Long của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long nộp ngày 24/12/2024.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG III - CAO SU BÌNH LONG; mã số dự án 44221000066, do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Phước (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước) cấp lần đầu ngày 15/7/2008; được đăng ký điều chỉnh lần thứ nhất: Điều chỉnh thông tin nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện dự án; người đại diện pháp luật của nhà đầu tư; mục tiêu và quy mô dự án; địa điểm thực hiện dự án; diện tích mặt đất sử dụng và bổ sung cơ cấu nguồn vốn.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800378251 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/10/2007 và thay đổi lần thứ 9 ngày 20/8/2024; trụ sở đăng ký tại khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam; điện thoại: 0271-3645206; email: vanphongblip@gmail.com.

Đại diện bởi:

- Ông Hoàng Văn Xuyên; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; sinh ngày 05/7/1973; quốc tịch Việt Nam; Căn cước công dân số 070073002180 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2022; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Khu phố Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 0919396747; email: xuyenlrc@gmail.com.

- Ông Phan Huy Thành; chức vụ: Tổng giám đốc; sinh ngày 10/12/1985; quốc tịch Việt Nam; Căn cước công dân số 070085000455 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/4/2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Tổ 02, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Phú Đức Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 0909886113; email: huythanhblip@gmail.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800378251 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/10/2007, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 20/8/2024; Mã số thuế: 3800378251.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG III - CAO SU BÌNH LONG.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC (*)
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Đầu tư xây dựng & kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp*	6810 (chính)	

3. Quy mô dự án:

Đầu tư xây dựng & kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (phải phù hợp với Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt) với quy mô 2.922.759 m^2 (*hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi chín mét vuông*). Công suất Nhà máy xử lý nước thải là 6000 m^3/ngày đêm (*sáu nghìn mét khối trên ngày đêm*).

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 2.922.759 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 289.000.000.000 (*hai trăm tám mươi chín tỷ*) đồng, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 120.000.000.000 (*một trăm hai mươi tỷ*) đồng, chiếm tỷ lệ 41,5% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp VNĐ	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
01	Công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long	120.000.000.000	100	Tiền mặt	Đã góp đủ

- Vốn huy động: 169.000.000.000 (*một trăm sáu mươi chín tỷ*) đồng.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (*năm mươi*) năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a. Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn.

- Vốn góp: Đã góp đủ 120.000.000.000 (*một trăm hai mươi tỷ*) đồng.

- Vốn huy động: Đã huy động đủ 169.000.000.000 (*một trăm sáu mươi chín tỷ*) đồng.

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án:

- Tiến độ đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp Minh Hưng III trong thời hạn 4 (bốn) năm, từ năm 2008 đến năm 2011.

- Tiến độ thu hút đầu tư lấp đầy diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê trong thời hạn 5 (năm) năm, từ năm 2008 đến năm 2012.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

* Đối với lĩnh vực kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (*mười phần trăm*) trong 15 (*mười lăm*) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (*hai mươi tám phần trăm*) cho thời gian còn lại.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 (*bốn*) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (*năm mươi phần trăm*) trong 9 (*chín*) năm tiếp theo.

* Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% (*hai mươi phần trăm*) trong 10 (*mười*) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (*hai mươi tám phần trăm*) cho thời gian còn lại.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 (*hai*) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (*năm mươi phần trăm*) trong 6 (*sáu*) năm tiếp theo.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Điều 16 Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:

Công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam tiền thuê đất hoặc tiền giao đất của khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Minh Hưng III được miễn tiền thuê đất trong 11 (mười một) năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

Trường hợp Công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long nộp tiền thuê đất, trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì được miễn tiền thuê theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; Trường hợp không thể tách riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.

4. Các loại thuế khác:

Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, thuế, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Cục thống kê tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 44221000066 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước) cấp lần đầu ngày 15/7/2008.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Minh Chiến

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3800378251

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 10 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 05 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0271.3.645205 -06* Số Fax:

Thư điện tử: *kcnminhhung3@gmail.com* Website: *www.blip.vn*

3. Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 24.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: HOÀNG VĂN XUYÊN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *05/07/1973* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *070073002180*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố Ninh Thuận, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

* Họ, chữ đệm và tên: PHAN HUY THÀNH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/12/1985* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *070085000455*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 02, Khu phố Phú Nghĩa, Phường Bình Long, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Tước Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 001015/2025/HĐKT-PTV

Gói thầu	:	**Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025**
Dự toán mua sắm	:	**Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025**
Địa điểm thực hiện	:	**Nhà máy xử lý nước thải trập trung KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai**

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN KCN CAO SU BÌNH LONG

VÀ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày ..21.. tháng ..7.. năm 2025. Tại văn phòng Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN KCN CAO SU BÌNH LONG

Do ông	:	**PHAN HUY THÀNH**	Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
Địa chỉ	:	Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai	
Điện thoại	:	0271.3645206	Fax: 0271.3645204
Mã số thuế	:	3800378251	
Tài khoản	:	114000048064- Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	

Nhà thầu (Bên B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Do ông	:	**LÊ VĂN TÙNG**	Chức vụ: **Phó Giám đốc**
Địa chỉ	:	Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai	
Điện thoại	:	0769 000 769	
Mã số thuế	:	3800743345	
Tài khoản	:	55 999 55 999–Ngân hàng TMCP Ngoại Thương–CN Bắc Sài Gòn	
Giấy uỷ quyền	:	Số 02.2025/CGQ-UQ ngày 02/01/2025	

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với các nội dung sau:

PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội khóa XIII ngày 18/06/2014;

- Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIII sửa đổi bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 17/06/2020;

- Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV ngày 23/06/2023;

- Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Quyết định số 21/QĐ-KCNCSBL ngày 04/07/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long về việc phê duyệt Dự toán mua sắm: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025;

- Quyết định số 22/QĐ-KCNCSBL ngày 04/07/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn gói thầu: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025 thuộc dự toán mua sắm Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025;

- Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long và Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý;

- Quyết định số 24/QĐ-KCNCSBL ngày 14/07/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần KCN cao su Bình Long về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà gói thầu: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải năm 2025.

PHẦN 3. ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Định nghĩa

1.1. "Bất khả kháng" là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa

1.2. "Bên" là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp;

1.3 "Chủ đầu tư" là Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long;

1.4 "Dịch vụ phi tư vấn" là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đấu thầu;

1.5. "Địa điểm cung cấp dịch vụ " là Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai.

1.6. "Giá hợp đồng" là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);

1.7. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;

1.8. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;

1.9. "Năm" là năm dương lịch;

1.10. "Ngày" là ngày dương lịch;

1.11. "Nhà thầu" là Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý;

1.12. "Tài liệu hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;

1.13. "Tháng" là tháng dương lịch;

1.14. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng **Việt.**

Điều 4. Thông báo

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:

- Người nhận: Phòng.XDCB - Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long

Địa chỉ: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng – tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0271.3645206.

Thuật ngữ "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.

4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

5.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: 07 ngày kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **5%** giá hợp đồng tương ứng với số tiền **126.376.551đồng** *(Bằng chữ Một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi mốt đồng).*
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hai bên ký thanh lý hợp đồng theo quy định.

5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 15 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 6. Phạm vi cung cấp

Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại **Phụ lục 01** và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.

Điều 7. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn

Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày kí hợp đồng.

Tiến độ cung cấp dịch vụ: theo yêu cầu của Chủ đầu tư, khối lượng tuỳ thuộc vào nhu cầu thực tế tại thời điểm giao nhận.

Điều 8. Trách nhiệm của Nhà thầu

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 6 [Phạm vi cung cấp] của hợp đồng này.

Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải tại Phụ lục 01 đúng theo các nội dung của Giấy phép Môi trường chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.

Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải được vận chuyển ra khỏi kho chứa bên A.

Thực hiện Chứng từ chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

Quá trình vận chuyển chất thải, bên B chỉ sử dụng các phượng tiện vận chuyển đúng theo các quy định pháp luật về môi trường và chất thải được vận chuyển về đúng cở sở xử lý được cấp phép. Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu như sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển và vận chuyển chất thải về nơi xử lý không đúng quy định.

Quá trình xử lý chất thải, bên B phải thực hiện đúng theo công nghệ, phương pháp xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu như thực hiện xử lý chất thải không đúng quy trình, công nghệ theo quy định.

Điều 9. Loại hợp đồng và giá hợp đồng

9.1. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

9.2. Giá hợp đồng: "Cố định"

- Giá trị hợp đồng: **2.527.531.020 đồng** (Đã bao gồm thuế).

(Bằng chữ: Hải tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn không trăm hai mươi đồng chẵn)

Chi tiết cụ thể được quy định tại **Phụ lục 02** và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.

Điều 10. Điều chỉnh thuế

Được phép điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Điều 11. Thanh toán

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

- Việc thanh toán được thực hiện cuối mỗi tháng thu gom, hai bên sẽ đối chiếu, xác nhận công nợ trên cơ sở các chứng từ, biên bản giao nhận.

- Bên B xuất hóa đơn tài chính (Bằng giá trị thực tế/tháng chuyển giao chất thải), đồng thời chuyển giao đầy đủ các chứng từ sau khi đã xử lý xong cho bên A, kèm giấy đề nghị thanh toán. Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu mỗi đợt.

- Thời hạn thanh toán: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hóa đơn, chứng từ. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện giảm hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

- Đồng tiền thanh toán là VND.

Điều 12. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

12.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không

được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

12.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

12.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại khoản 12.1 và 12.2 của Điều này không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

12.4. Các quy định tại Điều này không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

12.5. Các quy định tại Điều này tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

Điều 13. Phạt và bồi thường thiệt hại

13.1. Phạt vi phạm hợp đồng : "Áp dụng"

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 14[Bất khả kháng], nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1%/ngày cho toàn bộ giá trị hợp đồng cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12 % tổng giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều...[Chấm dứt hợp đồng].

13.2. Bồi thường thiệt hại: "Áp dụng".

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

Điều 14. Bất khả kháng

14.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

14.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều

kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

14.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

14.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

14.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 15. Sửa đổi hợp đồng

15.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

c) Các nội dung khác: Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

15.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

15.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết.

b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư.

c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

15.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:

a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ;

b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ;

d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Điều 16. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;

c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;

d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;

đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;

Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

17.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

(iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

(iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.

b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Khoản 17.1 của Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Điều 32 [Giải quyết tranh chấp] về việc này trong vòng

sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán;

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.

17.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

Điều 18. Phát hiện và khắc phục sai sót

18.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Chủ đầu tư sẽ giám sát trực tiếp quá trình nhà thầu thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và kiểm tra xác nhận sau khi thu gom để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót trong vòng 03 ngày.

18.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.

Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Điều 13[Phạt và Bồi thường thiệt hại].

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

19.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

19.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian **30** ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế. Nếu sau 30 ngày hai bên không đạt được thỏa thuận giải quyết thông qua thương lượng, tranh chấp được đưa ra Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Phán quyết của toà án là quyết định cuống cùng, các bên buộc phải chấp hành và bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Hiệu lực của hợp đồng

20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

20.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm kể từ ngày 24/7/2025 và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

20.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Điều khoản chung

21.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

21.2. Hợp đồng này bao gồm 10 trang được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản tiếng Việt, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản tiếng Việt.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC	
M.S.D.N:3600378251-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG * TX.CHƠN THÀNH-T.BÌNH PHƯỚC	M.S.D.N:3800743345-C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ * H.ĐỒNG PHÚ - T.BÌNH PHƯỚC
Phan Huy Thành	Lê Văn Cùng

PHỤ LỤC 01

PHẠM VI CUNG CẤP

(Kèm theo hợp đồng số 0101.5./2025/HĐKT-PTV, ngày 24 tháng 07 năm 2025)

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Số lượng (kg)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Nghiền, phân tách, hoá rắn	5
02	Hộp chứa mực in (loại có chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn/Lỏng	08 02 04	Thiêu đốt, hoá rắn	5
03	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Tái chế	5
04	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ, súc rửa	5
05	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra lò là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	Súc rửa, tái chế	5
06	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra lò là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc chứa lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	Súc rửa, tái chế	5
07	Bao bì cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác như composit	Rắn	18 01 04	Súc rửa, tái chế	5
08	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải thiết bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hoá chất thải bỏ)	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt, hoá rắn	5
09	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	Thiêu đốt, hoá rắn	29
10	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại	Bùn		Tái chế, thiêu đốt	1.800.000

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600378251 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
TX. CHƠN THÀNH - T. BÌNH PHƯỚC

Phan Huy Thành

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

M.S.D.N: 3800743346 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

Lê Văn Cùng

PHỤ LỤC 02:
BẢNG GIÁ KÝ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 0110/2025/HĐKT-PTV, ngày 24 tháng 07 năm 2025)

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá Chưa bao gồm thuế (VND)	Đơn giá đã bao gồm thuế (VND)	Thành tiền (VND)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	kg	5	4.100	4.428	22.140
02	Hộp chứa mực in (loại có chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	kg	5	4.100	4.428	22.140
03	Dầu động cơ hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	kg	5	4.500	4.860	24.300
04	Ắc quy chì thải	kg	5	4.500	4.860	24.300
05	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra lò là CTNH) thải	kg	5	4.500	4.860	24.300
06	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra lò là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc chứa lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	kg	5	4.500	4.860	24.300
07	Bao bì cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu	kg	5	4.500	4.860	24.300

	khác như composit					
08	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải thiết bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hoá chất thải bỏ)	kg	5	4.500	4.860	24.300
09	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	kg	24	4.500	4.860	140.940
10	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại	kg	1.800.000	1.300	1.404	2.527.200.000
	Tổng cộng(Đã bao gồm thuế 8%)					**2.527.531.020**
	(Bằng chữ: Hải tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn không trăm hai mươi đồng chẵn)					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3600378251-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG * TX.CHƠN THÀNH-T.BÌNH PHƯỚC

Phan Huy Thành

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

M.S.D.N:3800743345-C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUY * H.ĐỒNG PHÚ - T.BÌNH PHƯỚC

Lê Văn Cùng

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **57150**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	26.775	-	54.033.270
	(kèm theo bảng kê số 1492543471 ngày 05 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**54.033.270**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.322.662**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**58.355.932**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 05/ 02/ 2025 10:08:31

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **57152**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	33.964	-	68.839.580
	(kèm theo bảng kê số 1492543753 ngày 05 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**68.839.580**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.507.166**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**74.346.746**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 05/ 02/ 2025 10:08:32

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **57151**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	29.808	-	60.319.059
	(kèm theo bảng kê số 1492543783 ngày 05 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**60.319.059**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.825.525**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**65.144.584**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 05/ 02/ 2025 10:08:31

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **86290**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	15.552	-	31.523.270
	(kèm theo bảng kê số 1502582696 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**31.523.270**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**2.521.862**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**34.045.132**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm ba mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 03/ 2025 19:40:42

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **86293**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	24.332	-	49.902.437
	(kèm theo bảng kê số 1502582889 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**49.902.437**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**3.992.195**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**53.894.632**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm mươi ba triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 03/ 2025 19:40:43

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **86292**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	26.328	-	52.834.903
	(kèm theo bảng kê số 1502583572 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**52.834.903**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.226.792**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**57.061.695**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 03/ 2025 19:40:44

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **87378**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	20.374	-	41.243.232
	(kèm theo bảng kê số 1512601128 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**41.243.232**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**3.299.459**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**44.542.691**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 14:02:17

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **87380**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	30.175	-	60.863.879
	(kèm theo bảng kê số 1512602122 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**60.863.879**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.869.110**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**65.732.989**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn chín trăm tám mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 14:02:27

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **87379**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	32.210	-	64.590.807
	(kèm theo bảng kê số 1512604448 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**64.590.807**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.167.265**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**69.758.072**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn không trăm bảy mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 14:02:20

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **116570**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	19.593	-	39.799.936
	(kèm theo bảng kê số 1523997500 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**39.799.936**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**3.183.995**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**42.983.931**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn mươi hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 05/ 2025 13:16:47

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **116573**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	32.722	-	66.556.523
	(kèm theo bảng kê số 1523997614 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**66.556.523**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.324.522**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**71.881.045**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi mốt triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 05/ 2025 13:16:44

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **116572**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	31.352	-	62.880.159
	(kèm theo bảng kê số 1523997883 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**62.880.159**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.030.413**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**67.910.572**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 05/ 2025 13:16:43

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **145905**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	23.488	-	49.480.056
	(kèm theo bảng kê số 1534965797 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**49.480.056**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**3.958.404**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**53.438.460**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 06/ 2025 18:56:08

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **145908**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	34.892	-	73.673.389
	(kèm theo bảng kê số 1534966790 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**73.673.389**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.893.871**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**79.567.260**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 06/ 2025 18:56:07

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Chơn Thành - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **145907**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	30.760	-	65.808.520
	(kèm theo bảng kê số 1534968537 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**65.808.520**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.264.682**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**71.073.202**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi mốt triệu không trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm linh hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 06/ 2025 18:56:02

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC - Số TK: - Tại NH:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **175572**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	30.850	-	64.724.707
	(kèm theo bảng kê số 1546123879 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**64.724.707**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.177.977**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**69.902.684**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi chín triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 07/ 2025 13:00:21

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC - Số TK: - Tại NH:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIB**

Số *(No):* **505**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện năng phản kháng tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kVArh	17.418	-	2.233.002
	(kèm theo bảng kê số 1546123880 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**2.233.002**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**178.640**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**2.411.642**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai triệu bốn trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 07/ 2025 13:00:21

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC - Số TK: - Tại NH:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **175574**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	37.504	-	79.265.209
	(kèm theo bảng kê số 1546124233 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**79.265.209**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.341.217**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**85.606.426**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám mươi lăm triệu sáu trăm linh sáu nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 07/ 2025 13:00:26

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-011**

Địa chỉ *(Address):* Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC - Số TK: - Tại NH:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TIA**

Số *(No):* **175573**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* KP 3A, P. Minh Hưng, TX. Chơn Thành, T. Bình Phước, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	32.457	-	68.554.674
	(kèm theo bảng kê số 1546127641 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**68.554.674**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.484.374**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**74.039.048**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 07/ 2025 13:00:23

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **36063**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	30.867	-	65.148.534
	(kèm theo bảng kê số 1566662448 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**65.148.534**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.211.883**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**70.360.417**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 09/ 2025 19:09:59

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **36066**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	33.770	-	71.157.098
	(kèm theo bảng kê số 1566662553 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**71.157.098**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.692.568**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**76.849.666**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 09/ 2025 19:10:01

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **36065**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	32.757	-	68.953.347
	(kèm theo bảng kê số 1566662844 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**68.953.347**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.516.268**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**74.469.615**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm mười lăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 09/ 2025 19:10:04

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **60194**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	28.126	-	59.515.468
	(kèm theo bảng kê số 1573350181 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**59.515.468**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.761.237**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**64.276.705**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm linh năm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 10/ 2025 15:17:07

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **60197**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	37.066	-	78.685.186
	(kèm theo bảng kê số 1573350889 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**78.685.186**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.294.815**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**84.980.001**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám mươi bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn không trăm linh một đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 10/ 2025 15:17:06

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **60196**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025	kWh	31.222	-	66.034.417
	(kèm theo bảng kê số 1573353074 ngày 02 tháng 10 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**66.034.417**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.282.753**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**71.317.170**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi mốt triệu ba trăm mười bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 10/ 2025 15:17:02

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **119670**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	25.999	-	55.219.852
	(kèm theo bảng kê số 1594223783 ngày 02 tháng 12 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**55.219.852**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.417.588**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**59.637.440**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 12/ 2025 14:44:31

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **119672**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	36.389	-	77.126.114
	(kèm theo bảng kê số 1594223902 ngày 02 tháng 12 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**77.126.114**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.170.089**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**83.296.203**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm linh ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 12/ 2025 14:44:39

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTB**

Số *(No):* **371**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện năng phản kháng tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kVArh	13.969	-	647.269
	(kèm theo bảng kê số 1594224140 ngày 02 tháng 12 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**647.269**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**51.782**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**699.051**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu trăm chín mươi chín nghìn không trăm năm mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 12/ 2025 14:44:29

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **119671**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	27.370	-	57.791.914
	(kèm theo bảng kê số 1594224139 ngày 02 tháng 12 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**57.791.914**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**4.623.353**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**62.415.267**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 12/ 2025 14:44:29

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTB**

Số *(No):* **20**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện năng phản kháng tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kVArh	16.952	-	1.475.112
	(kèm theo bảng kê số 1556364111 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**1.475.112**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**118.009**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**1.593.121**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 08/ 2025 11:31:06

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **867**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050019671

Số tài khoản*(Account No):*5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	30.769	-	64.982.893
	(kèm theo bảng kê số 1556364110 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**64.982.893**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.198.631**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**70.181.524**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 08/ 2025 11:31:06

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **869**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050031691

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	35.347	-	75.044.398
	(kèm theo bảng kê số 1556364447 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**75.044.398**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.003.552**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**81.047.950**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 08/ 2025 11:31:11

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address):* Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **868**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code):* 3800378251 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB01050034948

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	30.387	-	64.580.772
	(kèm theo bảng kê số 1556364860 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**64.580.772**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.166.462**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**69.747.234**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 08/ 2025 11:31:01

THÁNG 11

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address)*: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: **1K25TTA**
Số *(No)*: **89322**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB010500B4948

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025	kWh	31.837	-	67.317.196
	(kèm theo bảng kê số 1584749766 ngày 02 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**67.317.196**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**5.385.376**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**72.702.572**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Bảy mươi hai triệu bảy trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/11/2025 15:14:53

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address)*: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: **1K25TTB**

Số *(No)*: **238**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB01050034948

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản kháng tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025	kVArh	16.000	-	753.953
	(kèm theo bảng kê số 1584749777 ngày 02 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**753.953**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**60.316**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**814.269**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám trăm mười bốn nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 11/ 2025 15:14:53

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address)*: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: **1K25TTA**

Số *(No)*: **89321**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB01050019671

Số tài khoản*(Account No)*:5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025	kWh	29.057	-	61.800.596
	(kèm theo bảng kê số 1584748663 ngày 02 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**61.800.596**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**4.944.048**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**66.744.644**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 11/ 2025 15:15:00

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0300942001-067

Địa chỉ *(Address)*: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: **1K25TTB**

Số *(No)*: **237**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB01050019671

Số tài khoản(*Account No*):5610201000658 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản kháng tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025	kVArh	16.921	-	2.873.728
	(kèm theo bảng kê số 1584748669 ngày 02 tháng 11 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**2.873.728**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**229.898**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**3.103.626**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/ 11/ 2025 15:15:00

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-067**

Địa chỉ *(Address)*: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - Số TK: 5610201000159 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial)*: **1K25TTA**
Số *(No)*: **89323**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG (Xử lý nước thải 2)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Số định danh *(ID No)*:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code)*:

Số hộ chiếu *(Passport No)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB01050031691

Số tài khoản(*Account No*):

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025	kWh	40.091	-	85.035.620
	(kèm theo bảng kê số 1384749160 ngày 02 tháng 11 năm 2025)				

Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%	**Cộng tiền hàng** *(Total amount)*:	**85.035.620**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:	**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**6.802.850**
	Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	**91.838.470**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Chín mươi một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/11/2025 15:14:58

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý
ĐC: Phước Tân, Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước
MST: 3800743345 Số 334 /25 - ĐNTT

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG**

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 02/2024/HĐKT ký ngày 28/06/2024
- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00000716** ngày **31/03/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền như sau:

Bằng số: **60,652,800** đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 5601 99999 5678 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tây Bình Phước

Số tài khoản: 55 999 55 999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Sài Gòn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại PKT *(Tel)*: 0906912942 Email PKT : caogiaquy.kt@gmail.com

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP6, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản *(Bank account)*: 5599955999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số tài khoản *(Bank account)*: 5601999995678 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: 00000716

Ngày (Date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 004BE6B8CF6EF2481D89875B48CE9369EF

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 03/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	43.200,00	1.300,00	56.160.000

Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:		56.160.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	4.492.800
	Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	60.652.800

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

***Ký ngày (Signing Date)*: 31/03/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **ALHPC0ER2PDB**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
SĐT : 0906 912 942

BẢNG KÊ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

THÁNG 03.2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Kèm theo hóa đơn số: 00000716 (Ngày 31/03/2025)

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	24/03/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.080	1.300	19.604.000	
2	24/03/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	13.290	1.300	17.277.000	
3	24/03/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	14.830	1.300	19.279.000	
THÀNH TIỀN			**43.200**		**56.160.000**	
VAT 8%					**4.492.800**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**60.652.800**	

Bằng chữ: Sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng chẵn.

Bình Phước, ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY MINH HƯNG

Địa chỉ:Lô H8 - H9 - H10 - H11 - H12 - Đường D4 - KCN Minh Hưng III-Phường Minh Hưng

-

PHIẾU CÂN XE

Số xe 93H-012.82 Số phiếu :

Khách hàng : KCN Ngày cân 1: 24/03/2025 9:43

Tên hàng : **BÙN** Ngày cân 2: 24/03/2025 10:13

Khối lượng tổng: 29.870 kg Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14.790 kg

Khối lượng hàng: 15.080 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tổ mua sắm 24/03/2025 PK Cù Thị Phúc	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.080	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.080	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 24.. tháng 3.... năm 2025 **Bên giao**	*Bình Phước, ngày 24.. tháng ..3.... năm 2025* **Bên nhận**
Cử Hà Phú	Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93C-054.35 Số phiếu :

Khách hàng : KHU CÔNG NGHIỆP Ngày cân 1:24/03/2025 8:07

Tên hàng : BÙN Ngày cân 1:24/03/2025 8:55

Khối lượng tổng: 29,630 kg Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,800 kg

Khối lượng hàng: 14,830 kg

Ghi chú :KCN

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Mới	29/03/2025 Tô mua sắn NV Cù Hà Phú	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	14 830	3911 - 0.5435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	14 830	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 24 tháng 5 năm 2025 **Bên giao**	*Bình Phước, ngày 24 tháng 5 năm 2025* **Bên nhận**
Cù Hà Phn	
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY MINH HƯNG

Địa chỉ:Lô H8 - H9 - H10 - H11 - H12 - Đường D4 - KCN Minh Hưng III-Phường Minh Hưng

-

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82

Khách hàng : KCN

Tên hàng : **BỦN**

Khối lượng tổng: 28,080 kg

Khối lượng xe : 14,790 kg

Khối lượng hàng: 13,290 kg

Ghi chú .

Số phiếu :

Ngày cân 1: 24/03/2025 8:05

Ngày cân 2: 24/03/2025 8:33

Xuất/Nhập: XUẤT

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	24/03/2025 Tô mua xem Cù Hà Phú	

TỈNH THÀNH PHỐ Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/.....

1. **Bên giao**: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. **Bên nhận**: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. **Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	13.290	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	13.290	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 24... tháng 3..... năm 2025	*Bình Phước, ngày 24.. tháng 3..... năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý

ĐC: Phước Tân, Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước

MST: **3800743345** **Số 75 /25 - ĐNTT**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG**

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 16/03/2020;

- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 02/2024/HĐKT ký ngày 28/06/2024

- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00000122** ngày **22/01/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền như sau:

Bằng số: **178,364,160** đồng

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 0441 00067 0860 tại Ngân hàng: Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Tân Bình, TP.HCM

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 1 năm 2025

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Khu phố 6, Nguyễn Văn Quá, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại phòng kế toán *(Tel)*: 0906912942

Email phòng kế toán : caogiaquy.kt@gmail.com

Số tài khoản *(Bank account)*: 0441000670860 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Tân Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000122**

Ngày (Date) 22 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00F39397C19FD34F8993A14F887F155109

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 01/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	127.040,00	1.300,00	165.152.000
	Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:				**165.152.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%** Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:			**13.212.160**
	Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:				**178.364.160**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Hà An

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Ký ngày (Signing Date): 22/01/2025

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **4RHGINN0A7MW**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
SĐT : 0906 912 942

BẢNG KÊ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

Từ 25/12/2024 đến 14/01/2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Kèm theo hóa đơn số: 00000122 (Ngày 22/01/2024)

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	25/12/2024	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16,210	1,300	21,073,000	
2	25/12/2024	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16,210	1,300	21,073,000	
3	25/12/2024	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15,080	1,300	19,604,000	
4	25/12/2024	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15,620	1,300	20,306,000	
5	14/01/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15,730	1,300	20,449,000	
6	14/01/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16,110	1,300	20,943,000	
7	14/01/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16,340	1,300	21,242,000	
8	14/01/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15,740	1,300	20,462,000	
THÀNH TIỀN			**127,040**		**165,152,000**	
VAT 8%					**13,212,160**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**178,364,160**	

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi đồng chẵn.

Bình Phước, ngày 22 tháng 01 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

Hà Tâm

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	16210	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	16210	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 25.. tháng 12... năm 2024 **Bên giao**	*Bình Phước, ngày 25.. tháng 12... năm 2024* **Bên nhận**
Nguyễn Xuân Hồng Cù Hà Phú	Tùng Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82

Khách hàng : KCN

Số phiếu :

Ngày cân 1: 25/12/2024 9:39

Ngày cân 2: 25/12/2024 10:18

Tên hàng : **BÙN**

Khối lượng tổng: 31,140 kg

Khối lượng xe : 14,930 kg

Khối lượng hàng: 16,210 kg

Xuất/Nhập: XUẤT

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tổ mua sắm 25/12/2024 Cù Hà Phú	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15 080	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15 080	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 25.. tháng 12.. năm 2024 **Bên giao** Nguyễn Xuân Kỳ Cù Hà Phú *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 25.. tháng 12... năm 2024* **Bên nhận** Tùng Nguyễn Thanh Tùng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82 Số phiếu :

Khách hàng : KCN Ngày cân 1: 25/12/2024 15:14

Tên hàng : **BÙN** Ngày cân 2: 25/12/2024 15:46

Khối lượng tổng: 29,950 kg Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,870 kg

Khối lượng hàng: 15,080 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tổ mua sắm 25/12/2024 Cù Hà Phú	

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15620	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15620	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 25 tháng 12 năm 2024	*Bình Phước, ngày 25 tháng 12 năm 2024*
Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Xuân Anh Cù Hà Phú	Tùng Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82 Số phiếu :

Khách hàng : KCN

Ngày cân 1: 25/12/2024 13:15

Tên hàng : **BÙN**

Ngày cân 2: 25/12/2024 15:54

Khối lượng tổng: 30,490 kg

Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,870 kg

Khối lượng hàng: 15,620 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tô mua sắn Cù Hà Phú 25/12/2024	

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KCN CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, Bình Phước
ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, Bình Phước
ĐT:

2. Bên nhận : Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại		93 H 01282
2			
	Tổng khối lượng	16 110	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025	*Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Xuân Hồng Cù Hà Phú	Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Số xe : 93H-012.82

Số phiếu :

Khách hàng : KCN

Ngày cân 1: 14/01/2025 8:04

Ngày cân 2: 14/01/2025 8:30

Tên hàng : BÙN

Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng tổng: 30,950 kg

Khối lượng xe : 14,840 kg

Khối lượng hàng: 16,110 kg

Ghi chú

Khách hàng

Tùng

Bảo vệ

Tô' mua sung

Nguyễn Hải Sơn.

NV Phòng Cân

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KCN CAO SU BÌNH LONG

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, Bình Phước

ĐT:

2. Bên nhận : Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại	15730	93H01282
2			
	Tổng khối lượng	15.730	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 1 .... năm 2025	*Bình Phước, ngày 14 tháng 1 .... năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Hà Phú — Nguyễn Xuân Kiệt	Tùng Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82

Số phiếu :

Khách hàng : KCN

Ngày cân 1: 14/01/2025 9:44

Tên hàng : **BÙN**

Ngày cân 2: 14/01/2025 10:17

Khối lượng tổng: 30,580 kg

Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,850 kg

Khối lượng hàng: 15,730 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tô mua gấm 14/01/2025 Cù Hà Phú	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15740	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15740	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025 **Bên giao**	*Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025* **Bên nhận**
Cù Hà Phương	Tùng Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82 Số phiếu :

Khách hàng : KCN

Ngày cân 1: 14/01/2025 13:41

Tên hàng : **BÙN**

Ngày cân 2: 14/01/2025 14:31

Khối lượng tổng: 30,590 kg Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,850 kg

Khối lượng hàng: 15,740 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tô mua sắn 14/01/2025 Cù Mà Phi	

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/.....

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	16340	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	16340	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025
Bên giao

Cu Hà Phú Nguyễn Văn Hồng

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Bình Phước, ngày 14 tháng 1 năm 2025
Bên nhận

Tùng

Nguyễn Thanh Tùng

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

PHIẾU CÂN XE

Số xe : 93H-012.82

Số phiếu :

Khách hàng : KCN

Ngày cân 1: 14/01/2025 15:43

Tên hàng : **BÙN**

Ngày cân 2: 14/01/2025 16:41

Khối lượng tổng: 31,170 kg

Xuất/Nhập: XUẤT

Khối lượng xe : 14,830 kg

Khối lượng hàng: 16,340 kg

Ghi chú

Khách hàng	Bảo vệ	NV Phòng Cân
Tùng	Tối mua sắm 14/01/2025	

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý
ĐC: Phước Tân, Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước
MST: 3800745545 Số 424 /25 - ĐNTT

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 27/02/2025;
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 02/2024/HĐKT ký ngày 28/06/2024
- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00000896** ngày **29/04/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền như sau:

Bằng số: **85.166.640** đồng

(Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 5601 99999 5678 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tây Bình Phước

Số tài khoản: 55 999 55 999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Sài Gòn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 2 tháng 5 năm 2025

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại PKT *(Tel)*: 0906912942 Email PKT : caogiaquy.kt@gmail.com

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP6, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản *(Bank account)*: 5599955999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số tài khoản *(Bank account)*: 5601999995678 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: 00000896

Ngày (Date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00762ED4E20934F92817A4D1DADA5BDCD

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 04/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	60.660,00	1.300,00	78.858.000

		Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	78.858.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	6.308.640
		Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	85.166.640

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Ký ngày (Signing Date): 29/04/2025

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **RVH0HL0GGKJ6**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
SĐT : 0906 912 942

BẢNG KÊ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

THÁNG 04.2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Kèm theo hóa đơn số: 00000896 (Ngày 29/04/2025)

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	14/04/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.300	1.300	19.890.000	
2	14/04/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.040	1.300	19.552.000	
3	14/04/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.180	1.300	19.734.000	
4	14/04/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.140	1.300	19.682.000	
THÀNH TIỀN			60.660		**78.858.000**	
VAT 8%					**6.308.640**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**85.166.640**	

Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.

Bình Phước, ngày 29 tháng 04 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thi Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **204**

Khách hàng		Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	30,240 Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 08:53:09
Trọng lượng xe	14,940 Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 08:11:43
Trừ bì	0 Kg		
Trọng lượng hàng	15,300 Kg		
Ghi chú			

Khách hàng	Bảo vệ	Nhân viên bàn cân
Tổ mua sắm PP Cù Hà Phú 14/04/2025		Bích Chi

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/.....

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.300	93H-05135
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.300	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025	*Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Hà Phú	Điểu Duy Mới
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **209**

Khách hàng	:	Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng	:	Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	: **29,970** Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 14:08:17
Trọng lượng xe	: **14,830** Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 13:27:29
Trừ bì	: 0 Kg		
Trọng lượng hàng	: **15,140** Kg		
Ghi chú	:		

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

Tổ mua sắm
14/04/2025
Cù Hà Phú

Bích Chi

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT) Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.140	SBH – 05495
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.140	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14.. tháng 4... năm 2025 **Bên giao**	*Bình Phước, ngày 14.. tháng 4.... năm 2025* **Bên nhận**
Cù Mã Phú Nguyễn Minh Hồng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Điểu Duy Nhàn *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thi Xã Chơn Thành, T Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **205**

Khách hàng		Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	**29,850** Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 10:31:54
Trọng lượng xe	**14,810** Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 10:03:10
Trừ bì	0 Kg		
Trọng lượng hàng	**15,040** Kg		
Ghi chú			

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

Tô mua sắm
Cù Hà Phú
14/04/2025

Bích Chi

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.040	EBH-05135
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.040	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025	*Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Hà Phú	Diệu Duy Mến
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.180	GBH-05435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.180	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phú Nguyễn Xuân Kiên *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2025* **Bên nhận** Diễu Duy Mẫn *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: 212

Khách hàng		Biển số xe	: 93H 06435
Loại hàng		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	29,940 Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 15:07:14
Trọng lượng xe	14,760 Kg	Ngày / Giờ cân	: 14/04/2025 15:20:44
Trừ bì	0 Kg		
Trọng lượng hàng	15,180 Kg		
Ghi chú			

Khách hàng | Bảo vệ | Nhân viên bàn cân

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 14 tháng 04 năm 2025

Cù Hà Phú

Bạch Chu

Trạm cân được lắp đặt bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý

ĐC: Phước Tân, Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước

MST: 3800743345 **Số 525 /25 - ĐNTT**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG**

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 27/02/2025;
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 02/2024/HĐKT ký ngày 28/06/2024
- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00001086** ngày **30/05/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền như sau:

Bằng số: **84.759.480** đồng

(Bằng chữ: Tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 5601 99999 5678 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tây Bình Phước

Số tài khoản: 55 999 55 999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Sài Gòn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 5 năm 2025

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại PKT *(Tel)*: 0906912942 Email PKT : caogiaquy.kt@gmail.com

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP6, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản *(Bank account)*: 5599955999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số tài khoản *(Bank account)*: 5601999995678 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001086**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0035F7F04AAB014E069C7E929386E42039

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 05/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	60.370,00	1.300,00	78.481.000

	Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**78.481.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**6.278.480**
	Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**84.759.480**

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Hà Lê Ngọc An

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Ký ngày (Signing Date): 30/05/2025

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **LJHDF32NWJ42**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
SĐT : 0906 912 942

BẢNG KÊ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

THÁNG 05.2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Kèm theo hóa đơn số: 00001086 (Ngày 30/05/2025)

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	27/05/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.960	1.300	20.748.000	
2	27/05/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	14.350	1.300	18.655.000	
3	27/05/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.260	1.300	19.838.000	
4	28/05/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	14.800	1.300	19.240.000	
THÀNH TIỀN			**60.370**		**78.481.000**	
VAT 8%					**6.278.480**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**84.759.480**	
#NAME?						

Bình Phước, ngày 30 tháng 05 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

Hà Lê Ngọc An

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý
ĐC: Phước Tân, Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước
MST: 3800743345 Số 632 /25 - ĐNTT

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG**

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 141/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 27/02/2025;
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 02/2024/HĐKT ký ngày 28/06/2024
- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00001273** ngày **27/06/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền như sau:

Bằng số: **155.815.920** đồng

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn chín trăm hai mươi đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 5601 99999 5678 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tây Bình Phước

Số tài khoản: 55 999 55 999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Sài Gòn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 6 năm 2025

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại PKT *(Tel)*: 0906912942 Email PKT : caogiaquy.kt@gmail.com

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP6, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản *(Bank account)*: 5599955999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số tài khoản *(Bank account)*: 5601999995678 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: 00001273

Ngày (Date) 27 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0037110A57C03643B7959EF8ACF878A0AB

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 06/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	110.980,00	1.300,00	144.274.000

	Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**144.274.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%** Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**11.541.920**
	Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**155.815.920**

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Ký ngày (Signing Date): 27/06/2025

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **ALHES0GLA9A0**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
SĐT : 0906 912 942

BẢNG KÊ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

THÁNG 06.2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Kèm theo hóa đơn số: 00001273 ngày 27/06/2025

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	11/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.930	1.300	20.709.000	
2	11/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.070	1.300	19.591.000	
3	11/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.860	1.300	20.618.000	
4	11/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16.720	1.300	21.736.000	
5	25/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.890	1.300	20.657.000	
6	25/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	14.950	1.300	19.435.000	
7	25/06/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	16.560	1.300	21.528.000	
THÀNH TIỀN			**110.980**		**144.274.000**	
VAT 8%					**11.541.920**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**155.815.920**	
#NAME?						

Bình Phước, ngày 26 tháng 06 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **143**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 01282
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	:	**30,050** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 08:56:52
Trọng lượng xe	:	**14,980** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 08:17:43
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**15,070** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng	Bảo vệ	Nhân viên bàn cân
Tùng Ngô Thanh Tùng	TỔ MUA SẮM ĐÃ NGHIỆM THU Ngày 11 tháng 06 năm 2025 Cù Hà Phú	

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/.....

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15 070	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15 070	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 11.. tháng .6.... năm 2025	*Bình Phước, ngày 11.. tháng .6.... năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Hà Phí	Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **144**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trong lương xe và hàng	:	**30,760** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 09:13:59
Trọng lượng xe	:	**14,900** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 08:20:15
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trong lượng hàng	:	**15,860** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng	Bảo vệ	Nhân viên bàn cân
Mới Đậu Duy Mới	TỔ MUA SẮM ĐÃ NGHIỆM THU Ngày 11 tháng 06 năm 2025 pk Cù Hà Phú	

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

M.S.D.N: 3800743345 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Phước

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:...../2024/.....

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15860	BH-05435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15860	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2025	*Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Mã Phú Nguyễn Kiều	Điểu Duy Lân
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **150**

Khách hàng :			Biển số xe	: 93H 01282
Loại hàng :			Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lương xe và hàng	:	**30,910** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 10:38:05
Trọng lượng xe	:	**14,980** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 10:13:09
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**15,930** Kg		
Ghi chú :				

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

Tùng

Nguyễn Thanh Tùng

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 11 tháng 06 năm 2025

Cù Hà Phú

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

TỈNH THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.930	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.930	93H 012 82

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 11.. tháng .6.... năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phu *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 11.. tháng .6.... năm 2025* **Bên nhận** Nguyễn Thanh Tùng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **152**

Khách hàng :			Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng :			Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lương xe và hàng	:	**31,770** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 11:00:04
Trọng lượng xe	:	**15,050** Kg	Ngày / Giờ cân	: 11/06/2025 10:30:54
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**16,720** Kg		
Ghi chú :				

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 11 tháng 06 năm 2025

Được quét bằng CamScanner

TỔNG THÀNH PHỐ Bình Phước	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT) Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	16.720	93H-05435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	16.720	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phú Nguyễn Kiên Hồng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2025* **Bên nhận** Mẫn Điểu Duy Mẫn *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **374**

Khách hàng :			Biển số xe	: 93H 01282
Loại hàng :			Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	:	**29,890** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 10:51:19
Trọng lượng xe	:	**14,940** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 10:06:45
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**14,950** Kg		
Ghi chú :				

Khách hàng	Bảo vệ	Nhân viên bàn cân
Tùng Nguyễn Thanh Tùng	TỔ MUA SẮM ĐÃ NGHIỆM THU Ngày 25 tháng 06 năm 2025 Cù Văn Phú	Bích Chi

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

M.S.D.N: 3800743345-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	14.950	93H 01782
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	14.950	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 25 tháng 6 năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phú Nguyễn Xuân Hồng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 25 tháng 6 năm 2025* **Bên nhận** Tùng Nguyễn Thanh Tùng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **372**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	:	**31,390** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 09:10:22
Trọng lượng xe	:	**14,830** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 08:13:20
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**16,560** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng **Bảo vệ** **Nhân viên bàn cân**

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Cù Hà Phú

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

2. **Bên nhận**: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng **CTRCNTT chuyển giao:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	16.560	93H-05435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	16.560	

4, Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2025 **Bên giao** Cù Khắc Phú *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2025* **Bên nhận** Diệu Duy Mẫn *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Thị Xã Chơn Thành, T.Bình Phước

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **371**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 01282
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	:	**30,790** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 08:55:11
Trọng lượng xe	:	**14,900** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/06/2025 08:11:22
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**15,890** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng

Tùng

Nguyễn Thanh Tùng

Bảo vệ

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Cù Hà Phú

Nhân viên bàn cân

Được quét bằng CamScanner

M.S.D.N: 3800743345-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Phước	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)** Số:……/2024/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, X Tân Phước, H Đồng Phú, T Bình Phước ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.890	93H01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.890	

4. Bên giao. Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 25 tháng 6 .... năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phú Nguyễn Xuân Hồng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Bình Phước, ngày 25 tháng 6 .... năm 2025* **Bên nhận** Tùng Nguyễn Thanh Tùng *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

ĐƠN VỊ: Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý
ĐC: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3800743345 **Số 955 /25 - ĐNTT**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG**

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 141/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý ngày 27/02/2025;
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý số: 001015/2025/HĐKT-PTV ký ngày 24/07/2025
- Căn cứ vào hoá đơn xử lý số: **00001986** ngày **30/08/2025**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ đề nghị Quý CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG thanh toán số tiền đã bao gồm 8% VAT như sau:

Bằng số: **42.134.040** đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi đồng chẵn.)

vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý**

Số tài khoản: 5601 99999 5678 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tây Bình Phước

Số tài khoản: 55 999 55 999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Sài Gòn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ quý Công ty.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 3 tháng 9 năm 2025

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800743345

Địa chỉ trụ sở *(Address)*: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại PKT *(Tel)*: 0906912942 Email PKT : caogiaquy.kt@gmail.com

Địa chỉ VPĐD *(Address)*: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP6, Phường Đông Hưng Thuận, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản *(Bank account)*: 5599955999 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số tài khoản *(Bank account)*: 5601999995678 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Bình Phước

M.S.D.N:3800743345-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001986**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 000E874FB253B74A77A08445DB12A88889

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Mã số thuế *(Tax code)*: 3800378251

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Tháng 08/2025				
1	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	Kg	30.010,00	1.300,00	39.013.000
			Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:		**39.013.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		**3.121.040**
			Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:		**42.134.040**

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Hà Lê Ngọc An

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Ký ngày (Signing Date): **30/08/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **1PHXIM46ZDG8**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Đc : Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai
SĐT : 0906 912 942

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI

THÁNG 08.2025

Đơn vị giao : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
Địa chỉ : Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
Đơn vị nhận : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai

Kèm theo hóa đơn số: 00001986 (Ngày 30/08/2025)

STT	NGÀY	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG Kg	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	25/08/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	14.330	1.300	18.629.000	
2	25/08/2025	Bùn thải công nghiệp không nguy hại	15.680	1.300	20.384.000	
THÀNH TIỀN			**30.010**		**39.013.000**	
VAT 8%					**3.121.040**	
TỔNG TIỀN THANH TOÁN					**42.134.040**	
#NAME?						

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2025

ĐƠN VỊ GIAO

Hà Lê Ngọc Tín

ĐƠN VỊ NHẬN
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **325**

Khách hàng :		Biển số xe	: 93H 05435
Loại hàng :		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng :	**30,490** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/08/2025 09:12:25
Trọng lượng xe :	**14,810** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/08/2025 08:13:12
Trừ bì :	**0** Kg		
Trọng lượng hàng :	**15,680** Kg		
Ghi chú :			

Khách hàng	Bảo vệ	Nhân viên bàn cân
Mai		Ng Văn Tình
Điều Duy Mai	Cù Hà Phú	

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 25 tháng 08 năm 2025

Được quét bằng CamScanner

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT) Số:……/2025/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	15.680	93H-05435
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	15.680	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 Năm 2025 **Bên giao** Cù Hà Phú Nguyễn Minh Hà *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 Năm 2025* **Bên nhận** Điểu Duy Mãn *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **324**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 01282
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lượng xe và hàng	:	**29,210** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/08/2025 09:04:39
Trọng lượng xe	:	**14,880** Kg	Ngày / Giờ cân	: 25/08/2025 08:10:55
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lượng hàng	:	**14,330** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 25 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thanh Tùng | Cù Hà Phú | Ng Văn Tình

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

Được quét bằng CamScanner

TỈNH ĐỒNG NAI

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:……/2025/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	14.330	93H 01282
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	14.330	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 25.. tháng ..8.... Năm 2025	*Đồng Nai, ngày 25.. tháng ..8.... Năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cu Hà Phú Nguyên	Nguyễn Thanh Tùng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX & TM GIẢI PHÁP XANH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Lô H5, KCN Minh Hưng 3, Phường Minh Hưng,Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02713645898

PHIẾU CÂN

Số phiếu: **307**

Khách hàng	:		Biển số xe	: 93H 06637
Loại hàng	:		Xuất/Nhập	: Xuất
Trọng lương xe và hàng	:	**40,780** Kg	Ngày / Giờ cân	: 28/11/2025 11:36:56
Trọng lương xe	:	**17,800** Kg	Ngày / Giờ cân	: 28/11/2025 09:09:20
Trừ bì	:	**0** Kg		
Trọng lương hàng	:	**22,980** Kg		
Ghi chú	:			

Khách hàng | **Bảo vệ** | **Nhân viên bàn cân**

Lê Trung Nam

TỔ MUA SẮM
ĐÃ NGHIỆM THU
Ngày 28 tháng 11 năm 2025

Cù Hà Phú

Trạm cân được lắp bởi CÔNG TY CÂN ĐIỆN TỬ VIỆT MỸ - Hotline: 0906494967 - 0915171707

TỈNH ĐỒNG NAI

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP (CTRCNTT)

Số:……/2025/……

1. Bên giao: Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206
Địa chỉ cơ sở: KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: 02713 645 206.

2. Bên nhận: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, Xã Đồng Tâm, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 0769 000 769

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải CN không nguy hại	22.980	93H-06637
2			
3			
4			
	Tổng khối lượng	22.980	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 28 tháng 11 Năm 2025	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 11 Năm 2025*
Bên giao	**Bên nhận**
Cù Hà Phú Nguyễn Văn Hồng	Lê Trung Nam
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*